



**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

100

CÂU HỎI - ĐÁP

VỀ NHIỆM VỤ GIỮ GÌN AN NINH TRẬT TỰ CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ



**NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**



**NHÀ XUẤT BẢN
CÔNG AN NHÂN DÂN**

100

**CÂU HỎI -ĐÁP
VỀ NHIỆM VỤ GIỮ GÌN
AN NINH, TRẬT TỰ
CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng:

TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng:

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Thành viên:

TS. NGUYỄN TIẾN HOÀNG

TS. NGUYỄN AN TIÊM

TS. VŨ TRỌNG LÂM

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN
BAN BIÊN TẬP SÁCH CHÍNH TRỊ - NGHIỆP VỤ
(Biên soạn)

100 CÂU HỎI - ĐÁP
VỀ NHIỆM VỤ GIỮ GÌN AN NINH
TRẬT TỰ CỦA THÔN,
TỔ DÂN PHỐ

NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

NHÀ XUẤT BẢN
CÔNG AN NHÂN DÂN

Hà Nội - 2011

BIÊN SOẠN:

BAN BIÊN TẬP SÁCH CHÍNH TRỊ - NGHIỆP VỤ
NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Trong những năm qua, các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, phá hoại chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động, lôi kéo quần chúng. Cùng với việc triển khai thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, lực lượng Công an nhân dân đã phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phối hợp thực hiện Nghị quyết liên tịch về “Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong thời kỳ mới”, chú trọng tới việc tiếp tục xây dựng các mô hình, điển hình tiên tiến mang tính truyền thống như: “Khu dân cư không có tội phạm, tệ nạn xã hội”; “Tự quản - tự phòng - tự bảo vệ”; “Thôn xóm, khu phố bình yên, gia đình hạnh phúc”; “Cụm liên kết an toàn về an ninh, trật tự”; “Gia đình nông dân văn hóa, tham gia xây dựng thôn, ấp, xã văn hóa”...

Các mô hình, điển hình trên đã và đang phát huy hiệu quả tích cực trong việc tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật tới mỗi công dân, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Thôn, tổ dân phố là một trong những mô hình được

chú trọng xây dựng và trên thực tế mang lại những hiệu quả tích cực.

Để giúp thôn, tổ dân phố và các hộ gia đình thành viên thực hiện có hiệu quả Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 06-12-2002 về Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Nhà xuất bản Công an nhân dân xuất bản cuốn sách ***100 câu hỏi - đáp về nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự của thôn, tổ dân phố***. Cuốn sách đề cập những nội dung, biện pháp cụ thể về công tác giữ gìn an ninh trật tự trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các vấn đề liên quan nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày để thôn, tổ dân phố vận dụng thực hiện.

Trong quá trình tổ chức biên soạn, biên tập cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Hà Nội, tháng 12 năm 2011

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

PHẦN I

NỘI DUNG XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

Câu hỏi 1: Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

Trả lời:

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo các tầng lớp nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền, sự phối hợp tham gia của các ngành, đoàn thể, lực lượng công an làm nòng cốt để phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội nhằm giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân.

Yếu tố cơ bản để tạo thành phong trào là tính tự giác, có tổ chức và sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân. Trong đó, ý thức tự giác tham gia của các tầng lớp nhân dân là vấn đề cơ bản, quyết định đến hiệu quả của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Câu hỏi 2: Ý nghĩa, tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

Trả lời:

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một nội dung trong công tác vận động quần chúng của Đảng, được gắn bó chặt chẽ với các phong trào cách mạng khác của quần chúng.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phải huy động được sức mạnh của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, của các ngành, đoàn thể tham gia. Nội dung, biện pháp trọng tâm của phong trào là tuyên truyền giáo dục trong nhân dân tinh thần đoàn kết, yêu nước; ý thức cảnh giác cách mạng; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội; giữ vững an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, của các ngành, địa phương, cơ sở, tạo môi trường xã hội lành mạnh, góp phần phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hoá, ổn định đời sống nhân dân.

Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để vận động, hướng dẫn các tầng lớp nhân dân phát huy dân chủ, thực hiện quyền và trách nhiệm công dân trong công tác giữ gìn an ninh trật tự, tạo thế trận an ninh nhân dân rộng khắp, phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội.

Câu hỏi 3: Mục đích, ý nghĩa của Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

Trả lời:

Ngày 13 tháng 6 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 521/QĐ-TTg về Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Quyết định nêu rõ:

Hằng năm lấy ngày 19 tháng 8 là “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” nhằm:

- Giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, nâng cao ý thức trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng lực lượng công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại. Biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Phát huy tinh thần cảnh giác cách mạng của các tầng lớp nhân dân, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch và bọn tội phạm, xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Trong dịp Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tổ chức các hoạt động sinh hoạt chính trị, gặp mặt truyền thống, mít tinh diễu hành, biểu dương lực lượng quần chúng tham gia phòng,

chống tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội, giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

Câu hỏi 4: Nội dung cơ bản của Nghị quyết liên tịch giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Bộ Công an về đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

Trả lời:

Ngày 04 tháng 12 năm 2001, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Công an đã ký Nghị quyết liên tịch số 01/2001/NQLT về “Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong thời kỳ mới”. Nội dung cơ bản của Nghị quyết liên tịch là:

- Tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức cho các đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và của Bộ Công an về nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong thời kỳ mới. Làm cho mọi người đề cao cảnh giác với âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc chấp hành pháp luật, tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

- Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, bám sát nhiệm vụ chính trị của đất nước, nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội từng thời kỳ để vận

động nhân dân phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần làm thất bại âm mưu “Diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch và hoạt động chống phá của các phần tử phản động, cơ hội chính trị, thoái hoá, biến chất, nhằm giữ vững ổn định chính trị, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Vận động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện tốt việc phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm; cảm hoá, giáo dục, cải tạo người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư; đấu tranh phòng, chống ma tuý; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống các loại tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi vị thành niên.

- Gắn phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với cuộc vận động xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Xây dựng và nhân rộng các mô hình “*Khu dân cư không có tội phạm, tệ nạn xã hội*”, “*Cơ quan, doanh nghiệp, trường học an toàn*”, “*Tự quản, tự phòng về an ninh trật tự*”, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống.

- Thường xuyên tuyên truyền, bồi dưỡng, giáo dục cán bộ, đoàn viên, hội viên, cán bộ chiến sĩ lực lượng Công an nhân dân về lập trường quan điểm, rèn luyện phẩm chất đạo đức, gương mẫu chấp hành pháp luật, tổ chức tập huấn kiến thức nghiệp vụ xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cho cán bộ mặt trận và các đoàn thể.

PHẦN II
**NỘI DUNG VỀ TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH,
KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI THÔN,
TỔ DÂN PHỐ**

Câu hỏi 5: Quá trình tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trong sự nghiệp giữ gìn an ninh trật tự?

Trả lời:

Trong sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng công tác lãnh đạo, tập hợp quần chúng nhằm phát huy sức mạnh toàn dân phòng ngừa, đấu tranh chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Các địa phương, cơ sở đã có nhiều sáng kiến, sáng tạo xây dựng các tổ chức quần chúng để tham gia công tác giữ gìn an ninh, trật tự. Tổ chức tự quản của quần chúng nhân dân đã được lập ra từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp như: “Ngũ gia liên bảo” (5 gia đình liên kết thành một tổ), “Thập gia liên bảo” (10 gia đình liên kết thành một tổ), v.v. để cùng nhau phòng gian bảo mật, chống địch càn quét, góp phần phục vụ cuộc kháng chiến thắng lợi. Trong kháng chiến chống Mỹ, các địa phương đã thành lập các tổ

chức quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ trật tự, trị an, diệt ác phá kìm, chống địch bình định, càn quét... góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Từ khi đất nước thống nhất, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc (nay gọi là phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc) có nhiều loại hình tổ chức quần chúng làm công tác giữ gìn an ninh trật tự. Tuy tên gọi khác nhau, yêu cầu, tổ chức, nội dung hoạt động thay đổi cho phù hợp với từng thời kỳ, với đặc thù từng địa phương, từng cơ sở nhưng đều có mục đích là phát huy tinh thần tự quản, tự phòng của quần chúng tham gia giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn dân cư.

Nhận thức được sự cần thiết của các tổ chức quần chúng cơ sở, ngày 6 tháng 12 năm 2002 Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ra Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố.

Câu hỏi 6: Mục đích, ý nghĩa hoạt động của thôn, tổ dân phố trong công tác giữ gìn an ninh trật tự ở khu dân cư?

Trả lời:

Thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc... (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khu phố, khóm... (gọi chung là tổ dân phố) không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự

quản và tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Dưới xã là thôn. Dưới phường, thị trấn là tổ dân phố.

Thông qua hoạt động của thôn, tổ dân phố để tuyên truyền trong nhân dân nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy dân chủ, truyền thống tự quản, tự phòng giữ gìn an ninh trật tự, tinh thần cảnh giác và ý thức trách nhiệm tham gia phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, gắn với cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”*, xây dựng *“Gia đình văn hoá”*, *“Khu dân cư văn hoá”*, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân, từng bước thu hẹp nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật ngay từ mỗi gia đình, mỗi khu vực dân cư.

Câu hỏi 7: Tiêu chuẩn công nhận danh hiệu “Làng văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” được quy định như thế nào?

Trả lời:

- Tiêu chuẩn công nhận danh hiệu “Làng văn hóa” đối với vùng đồng bằng (cận đô thị) thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2005, 2009 (sau đây gọi tắt là Luật thi đua, khen thưởng hiện hành) và Quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Tổ dân

phố văn hóa” (Ban hành kèm theo Quyết định số 62/2006/QĐ-BVHTT ngày 23-6-2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin), với những nội dung cụ thể như sau:

1. Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển: có từ 85% hộ trở lên có đời sống kinh tế ổn định; nhiều hộ sản xuất, kinh doanh giỏi; dưới 5% hộ nghèo, không có hộ đói; có từ 80% hộ trở lên có nhà xây mái bằng hoặc lợp ngói, xóa nhà tranh tre dột nát; trên 85% đường làng, ngõ xóm được đổ bê tông, lát gạch hoặc làm bằng vật liệu cứng; trên 90% số hộ được sử dụng điện.

2. Đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú: có các thiết chế văn hoá thông tin, thể dục thể thao, giáo dục, y tế phù hợp, hoạt động thường xuyên; thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và sinh hoạt cộng đồng; không có người mắc tệ nạn xã hội, tàng trữ và sử dụng văn hóa phẩm thuộc loại cấm lưu hành; có từ 75% trở lên số hộ được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”; khu dân cư hoặc trên 70% số khu dân cư được công nhận danh hiệu “Khu dân cư tiên tiến” ba năm liên tục trở lên; 100% trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học trở lên; không có người mù chữ; không có dịch bệnh; không để xảy ra ngộ độc thực phẩm đông người; giảm hàng năm 1,5% tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới năm tuổi; trên 90% trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ theo quy định, phụ nữ có thai được khám thai định kỳ.

3. Môi trường cảnh quan sạch đẹp: đường làng, ngõ xóm phong quang, sạch sẽ; rác thải phải được thu gom xử lý; có từ 85% hộ trở lên được sử dụng nước sạch, có nhà tắm, hố xí hợp vệ sinh; tôn tạo, bảo vệ, phát huy các di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.

4. Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước: thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho nhân dân; thực hiện tốt đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng và thực hiện tốt quy ước, hương ước cộng đồng; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; không có khiếu kiện tập thể vượt cấp kéo dài; chi bộ đảng và các tổ chức đoàn thể được xếp loại khá trở lên; chăm lo các đối tượng chính sách, đảm bảo có mức sống trung bình trở lên ở cộng đồng; không có trọng án hình sự.

5. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng: hoạt động hoà giải có hiệu quả; những mâu thuẫn, bất hoà được giải quyết tại cộng đồng; có phong trào giúp nhau làm kinh tế, xoá đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện.

- Tiêu chuẩn công nhận danh hiệu “Làng văn hóa” đối với vùng miền núi (vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo) thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi đua,

khen thưởng hiện hành và Quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” (Ban hành kèm theo Quyết định số 62/2006/QĐ-BVHTT ngày 23-6-2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin), với những nội dung cụ thể như sau:

1. Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển: đã định canh, định cư; có từ 60% số hộ trở lên có đời sống kinh tế ổn định, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3% trở lên hàng năm, không có hộ đói; có từ 60% số hộ trở lên có nhà ở được xây dựng hoặc làm bền vững, giảm tỷ lệ nhà tạm từ 5% trở lên hàng năm; có từ 50% trở lên số hộ được sử dụng điện; đường làng, ngõ xóm được tu bổ, nâng cấp hàng năm.

2. Đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh, phong phú: có tụ điểm sinh hoạt văn hóa - văn nghệ - thể dục thể thao, vui chơi giải trí ở cộng đồng; duy trì các sinh hoạt văn hóa - thể thao truyền thống của dân tộc; thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và sinh hoạt cộng đồng phù hợp với thuần phong, mỹ tục của dân tộc; không có tệ nạn xã hội phát sinh; không trồng, buôn bán và sử dụng thuốc phiện; không tàng trữ và sử dụng văn hoá phẩm thuộc loại cấm lưu hành; có từ 60% số hộ trở lên được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”; khu dân cư hoặc trên 70% số khu dân cư được công nhận danh hiệu “Khu dân cư tiên tiến” liên tục hai năm trở lên; có từ 70% trở lên số trẻ em trong độ tuổi

đi học được đến trường, không có người tái mù chữ; không có dịch bệnh; không để xảy ra ngộ độc thực phẩm đông người; thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới một tuổi; phụ nữ có thai được khám định kỳ.

3. *Môi trường cảnh quan sạch đẹp*: đường làng, ngõ xóm, nơi sinh hoạt cộng đồng sạch sẽ; bảo vệ nguồn nước sạch; có từ 60% số hộ trở lên được sử dụng nước hợp vệ sinh, có nhà tắm, hố xí hợp vệ sinh, đưa chuồng trại chăn nuôi cách xa nhà ở; bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan thiên nhiên của địa phương.

4. *Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước*: thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho nhân dân; thực hiện tốt đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng và thực hiện tốt quy ước, hương ước cộng đồng; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; không có khiếu kiện tập thể vượt cấp; chi bộ đảng và các tổ chức đoàn thể được xếp loại khá trở lên; chăm lo các đối tượng chính sách, đảm bảo có mức sống trung bình trở lên ở cộng đồng; không có trọng án hình sự.

- Tiêu chuẩn công nhận danh hiệu “Tổ dân phố văn hóa” thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi đua, khen thưởng hiện hành và Quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” (Ban hành kèm theo Quyết định số 62/2006/QĐ-BVHTT

ngày 23-6-2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin), với những nội dung cụ thể như sau:

1. *Có đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển:* có từ 90% hộ trở lên có đời sống kinh tế ổn định; nhiều hộ giàu, dưới 5% hộ nghèo, không có hộ đói; có từ 80% hộ gia đình trở lên có nhà ở được xây bền vững, xoá nhà tranh tre dột nát.

2. *Có đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh, phong phú:* có các thiết chế văn hoá, giáo dục, y tế; có điểm sinh hoạt văn hoá vui chơi giải trí; có hoạt động văn hoá, thể thao thường xuyên; thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; không có tệ nạn xã hội; không tàng trữ và sử dụng văn hoá phẩm cấm lưu hành; có từ 80% hộ trở lên được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hoá”; khu dân cư hoặc trên 70% số khu dân cư được công nhận danh hiệu “Khu dân cư tiên tiến” liên tục ba năm trở lên; không có dịch bệnh; không để xảy ra ngộ độc thực phẩm đông người; giảm hàng năm 1,5% tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới năm tuổi; trên 90% trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ theo quy định, phụ nữ có thai được khám thai định kỳ.

3. *Có môi trường cảnh quan sạch đẹp:* đường giao thông được trải nhựa hoặc bê tông; có hệ thống đèn chiếu sáng; đường phố, nơi sinh hoạt công cộng sạch đẹp; thực hiện tốt pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đô thị; có 100% số hộ được sử dụng nước sạch; vệ sinh môi trường được đảm bảo; tôn tạo bảo vệ các di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh ở địa phương.

4. Thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt nếp sống văn minh đô thị và Quy chế dân chủ ở cơ sở; chi bộ đảng và các tổ chức đoàn thể được xếp loại khá trở lên; 100% trẻ em đang độ tuổi đi học đều được đến trường; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở trở lên; có phong trào đền ơn đáp nghĩa và hoạt động từ thiện có hiệu quả.

Câu hỏi 8: Nội dung sinh hoạt thôn, tổ dân phố?

Trả lời:

Cộng đồng dân cư trong thôn, tổ dân phố cùng nhau thảo luận, quyết định và thực hiện các công việc tự quản, bảo đảm đoàn kết giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; xây dựng cuộc sống mới; giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp, thuần phong, mỹ tục của thôn; xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn; xây dựng và thực hiện hương ước. Bàn biện pháp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân xã giao và thực hiện nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Các hoạt động của thôn được thực hiện thông qua hội nghị thôn, hội nghị tổ dân phố.

Hội nghị của thôn, tổ dân phố được tổ chức ba tháng hoặc sáu tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc chủ hộ hay cử tri đại diện hộ. Hội nghị do trưởng thôn triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có ít nhất quá nửa số cử tri hoặc chủ hộ tham dự. Nghị quyết của thôn, tổ dân phố chỉ có giá trị khi được quá nửa số chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ tán thành và không trái pháp luật.

Câu hỏi 9: Khi bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố cần chú ý những vấn đề gì?

Trả lời:

Khi bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố cần chú ý lựa chọn những người có các tiêu chuẩn theo quy định. Cụ thể là:

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phải là người có hộ khẩu và cư trú thường xuyên ở thôn, đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác, đạo đức và tư cách tốt, được nhân dân tín nhiệm, bản thân và gia đình gương mẫu, có năng lực và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc của cộng đồng và cấp trên giao.

Câu hỏi 10: Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố như thế nào?

Trả lời:

- Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của trưởng thôn là: triệu tập và chủ trì hội nghị thôn;

tổ chức thực hiện các quyết định của thôn; tổ chức nhân dân thực hiện tốt quy chế dân chủ; tổ chức xây dựng và thực hiện hương ước; bảo đảm đoàn kết, giữ gìn trật tự an toàn trong thôn; tổ chức thực hiện nhiệm vụ do ủy ban nhân dân xã giao; tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền xã giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân; trên cơ sở nghị quyết của hội nghị thôn, ký hợp đồng dịch vụ phục vụ sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn; được ủy ban nhân dân xã mời dự họp về các vấn đề liên quan. Hằng tháng báo cáo kết quả công tác với ủy ban nhân dân xã; sáu tháng, cuối năm phải báo cáo công tác và tự phê bình trước hội nghị thôn.

- Nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của tổ trưởng tổ dân phố: triệu tập và chủ trì hội nghị tổ dân phố để bàn và tổ chức thực hiện các quyết định của tổ dân phố về giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; tu sửa, xây dựng cơ sở hạ tầng ngõ phố và vệ sinh môi trường; xây dựng đời sống văn hoá, đoàn kết giúp đỡ nhau trong đời sống và sản xuất; thực hiện tốt các nhiệm vụ do ủy ban nhân dân phường, thị trấn giao; vận động và tổ chức nhân dân thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức và thực hiện quy ước ở tổ dân phố; tập hợp ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân để phản ánh và đề nghị ủy ban nhân dân phường, thị trấn giải quyết; được ủy ban nhân dân phường, thị trấn mời dự họp về các vấn đề liên quan.

Hàng tháng báo cáo kết quả công tác với ủy ban nhân dân phường, thị trấn; sáu tháng, cuối năm phải báo cáo công tác và tự kiểm điểm trước hội nghị tổ dân phố.

Câu hỏi 11: Mối quan hệ giữa trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố với chi bộ thôn, chi bộ tổ dân phố?

Trả lời:

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do nhân dân trực tiếp bầu, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã/phường ra quyết định công nhận; là người đại diện cho nhân dân và đại diện cho chính quyền xã, phường, thị trấn để thực hiện một số nhiệm vụ hành chính tại thôn và tổ dân phố. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chịu sự lãnh đạo của chi bộ thôn, chi bộ tổ dân phố hoặc chi bộ cấp xã (nơi chưa có chi bộ thôn và chi bộ tổ dân phố); chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của ủy ban nhân dân cấp xã/phường; phối hợp chặt chẽ với ban công tác mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các hội ở thôn, tổ dân phố trong quá trình triển khai công tác.

Câu hỏi 12: Mối quan hệ giữa công an xã, phường, thị trấn với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố?

Trả lời:

Mối quan hệ giữa công an xã, phường, thị trấn với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là mối quan

hệ giữa cơ quan chuyên môn về công tác bảo vệ an ninh trật tự đối với tổ chức quần chúng tự quản về an ninh trật tự ở cụm dân cư. Công an xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phối hợp với cán bộ thôn, tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự theo quy định, hướng dẫn nhân dân thực hiện các nội dung, biện pháp công tác giữ gìn an ninh trật tự, chấp hành chính sách pháp luật, cảnh giác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tố giác tội phạm, ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật; quản lý, giáo dục, cảm hoá người lầm lỗi tại gia đình và cộng đồng; giải quyết mâu thuẫn nội bộ nhân dân; xây dựng đời sống văn hoá, ổn định đời sống. Tiếp thu ý kiến phản ánh các vấn đề về an ninh trật tự của các hộ thành viên trong tổ để giải quyết theo thẩm quyền, hoặc báo cáo cấp trên giải quyết. Trưởng, phó công an xã, phường, thị trấn, công an viên, cảnh sát khu vực phải bố trí thời gian để dự họp với các thôn, tổ dân phố trong địa bàn phụ trách, nhất là ở những tổ có vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh trật tự.

Câu hỏi 13: Khen thưởng đối với công dân có thành tích phòng, chống tội phạm được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Công tác khen thưởng trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phải căn cứ theo Luật thi đua, khen thưởng hiện hành và Thông tư số

18/2007/TT-BCA ngày 03-10-2007 của Bộ Công an hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng công an xã, bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Cụ thể như sau:

Khen thưởng đột xuất:

- Công dân có thành tích trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội như tố giác tội phạm, bắt giữ người phạm tội quả tang, giúp lực lượng công an điều tra, xử lý tội phạm hoặc cứu giúp người bị nạn v.v., thì được đề nghị khen thưởng đột xuất. Tùy mức độ thành tích đạt được để đề nghị các hình thức khen thưởng tương xứng.

- Khi phát hiện người có thành tích, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố làm thủ tục đề nghị ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

- Hồ sơ khen thưởng gồm: tờ trình đề nghị khen thưởng, báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

Khen thưởng tổng kết:

- Tập thể, cá nhân có thành tích trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự được đề nghị khen thưởng trong dịp tổng kết năm, tổng kết các chuyên đề về công tác giữ gìn an ninh trật tự theo hướng dẫn của cấp trên, tùy theo thành tích đã đạt được để đề nghị các hình thức khen thưởng.

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm: báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị

khen thưởng (có xác nhận của cấp đề nghị), biên bản cuộc họp xét đề nghị khen thưởng của hội đồng thi đua, khen thưởng cấp đề nghị khen thưởng.

- Các hình thức khen thưởng: Giấy khen của chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; giấy khen của ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã, giám đốc công an tỉnh; bằng khen của chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, bằng khen, kỷ niệm chương của Bộ trưởng Bộ Công an, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, huy chương, huân chương của Nhà nước.

Câu hỏi 14: Chế độ, phụ cấp và các hình thức khen thưởng đối với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được hưởng phụ cấp hằng tháng; căn cứ hướng dẫn của Trung ương, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức phụ cấp hằng tháng đối với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; được miễn lao động công ích trong thời gian công tác; được cử đi huấn luyện, bồi dưỡng những kiến thức cần thiết.

Trưởng thôn, phó trưởng thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sẽ được khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy mức độ sai phạm sẽ bị phê bình, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi chức hoặc truy cứu trách nhiệm theo pháp luật.

Ban công tác mặt trận và cử tri đề nghị hội nghị chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định hình thức kỷ luật phê bình, cảnh cáo hoặc cho thôi chức đối với trưởng thôn, phó trưởng thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố.

PHẦN III
**NỘI DUNG CÔNG TÁC PHÒNG,
CHỐNG TỘI PHẠM**

Câu hỏi 15: Tội phạm là gì?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự hiện hành) quy định:

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Một số vấn đề chú ý phân biệt giữa tội phạm và vi phạm:

- Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội

được quy định trong Bộ luật hình sự và phải được điều tra, truy tố, xét xử theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự.

- Vi phạm là những hành vi vi phạm pháp luật nói chung, nhưng chưa đến mức phải xử lý bằng hình sự, được xem xét, làm rõ và xử lý theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hành chính hoặc dân sự.

Câu hỏi 16: Khi xảy ra các vụ việc khẩn cấp về an ninh trật tự thì cần phải gọi số điện thoại khẩn cấp nào?

Trả lời:

- Khi xảy ra các vụ việc khẩn cấp về an ninh trật tự thì gọi số máy điện thoại 113 (của công an).

- Khi xảy ra vụ cháy thì gọi đến số máy điện thoại 114 (của cảnh sát phòng cháy, chữa cháy).

- Khi có người bị nạn cần đưa đi cấp cứu thì gọi đến số máy điện thoại 115 (của y tế).

- Công dân gọi đến các số máy khẩn cấp: 113, 114, 115 được miễn phí.

- Nghiêm cấm việc báo tin giả, lợi dụng để lăng mạ, trêu đùa, v.v. khi gọi các số máy điện thoại khẩn cấp trên.

Câu hỏi 17: Công tác tuần tra nhân dân, trách nhiệm của thành viên tham gia tuần tra nhân dân?

Trả lời:

Công tác tuần tra nhân dân là việc huy động

người trong các gia đình ở thôn, tổ dân phố tham gia tuần tra, canh gác tại địa bàn, nhằm phát hiện, bắt giữ người phạm tội quả tang, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội, giữ gìn an toàn giao thông, trật tự công cộng; nhắc nhở các hộ gia đình trong tổ có biện pháp khắc phục sơ hở thiếu sót, không để đối tượng lợi dụng hoạt động phạm tội.

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm vận động và tổ chức các hộ gia đình trong tổ tham gia tuần tra nhân dân theo lịch tuần tra của công an xã, cảnh sát khu vực phụ trách địa bàn. Phản ánh, đề xuất, góp ý nội dung, biện pháp để việc tuần tra nhân dân phù hợp với thực tế và đạt kết quả.

Câu hỏi 18: Việc bắt, giữ người trái pháp luật thì bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Bắt, giữ người trái pháp luật là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức xã hội, cơ quan có thẩm quyền bắt, giữ người không phải là phạm tội quả tang, người không có quyết định truy nã, người không có lệnh bắt của cơ quan điều tra, viện kiểm sát và toà án.

Điều 123 Bộ luật hình sự hiện hành quy định:

- Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau

đây, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm: có tổ chức; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; đối với người thi hành công vụ; phạm tội nhiều lần; đối với nhiều người.

- Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

- Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một đến năm năm.

Câu hỏi 19: Việc một số công dân vây bắt và đánh chết người trộm cắp tài sản ở địa bàn dân cư thì có phạm tội không?

Trả lời:

Việc một số công dân vây bắt và đánh chết người trộm cắp tài sản ở địa bàn dân cư là phạm tội và bị xử lý bằng pháp luật.

Đánh chết người là hành vi nguy hiểm cho xã hội, tước đoạt quyền sống của con người trái pháp luật phải bị xử lý theo quy định tại Bộ luật hình sự hiện hành (trừ trường hợp phòng vệ chính đáng).

Người có hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, cần phải ngăn chặn, bắt giữ và phải xử lý bằng pháp luật do cơ quan chức năng tiến hành theo thẩm quyền. Mọi công dân khi phát hiện người phạm tội trộm cắp trên địa bàn thì được quyền bắt giữ và dẫn giải giao cho cơ quan công an để giải quyết, xử lý. Không được tự ý hành hạ, đánh đập, gây nguy hiểm đến tính mạng của người phạm tội.

Câu hỏi 20: Trách nhiệm của thôn, tổ dân phố trong đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội?

Trả lời:

Để thực hiện phòng ngừa tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội ở địa bàn dân cư, thôn, tổ dân phố phải:

- Tuyên truyền giáo dục để mỗi công dân có nhận thức đầy đủ về nghĩa vụ, trách nhiệm tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội, nâng cao cảnh giác cách mạng, ý thức chấp hành pháp luật, tôn trọng và thực hiện các quy định, quy tắc, nội quy, quy ước cộng đồng.

- Mọi công dân trong thôn, tổ dân phố đều có trách nhiệm và nghĩa vụ phát hiện, tố giác tội phạm, bắt giữ người phạm tội quả tang, giữ gìn trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông, cứu giúp người bị nạn, quản lý giáo dục cảm hoá những người vi phạm pháp luật trên địa bàn dân cư.

- Tham gia ý kiến, kiến nghị với chính quyền, các cơ quan chức năng về các biện pháp hạn chế nguyên nhân và điều kiện nảy sinh tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật ở khu dân cư.

Câu hỏi 21: Những thủ đoạn của tội phạm mua bán phụ nữ, trẻ em cần phải cảnh giác để phòng?

Trả lời:

Tình trạng tội phạm mua bán phụ nữ, trẻ em ở một số địa bàn dân cư hiện nay xảy ra phức tạp,

gây bức xúc trong nhân dân. Cần chú ý nhận biết một số thủ đoạn thường gặp của loại tội phạm này như sau:

Đối tượng phạm tội mua bán phụ nữ, trẻ em thường lợi dụng mối quan hệ gia đình, quen biết, kết nghĩa anh em, hợp tác làm ăn buôn bán, hứa hẹn xin việc làm với số tiền công cao, đi lao động nước ngoài, môi giới lấy chồng nước ngoài, tặng quà, mua sắm, du lịch; lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin để lừa phỉnh, dụ dỗ phụ nữ, nhất là học sinh nữ, những phụ nữ trẻ để lừa bán làm gái mại dâm, làm vợ người nước ngoài, ép buộc lao động nặng nhọc.

Các gia đình cần quan tâm quản lý các cháu nhỏ, đề phòng kẻ bắt lương bất cóc trẻ em để tống tiền, hoặc bán cho người nước ngoài, hoặc cưỡng bức lao động nặng nhọc.

Khi có đối tượng khả nghi hoặc vụ việc đã xảy ra thì phải báo ngay cho cơ quan công an để truy bắt tội phạm, truy tìm nạn nhân và giải quyết vụ việc.

Câu hỏi 22: Khi có vụ án xảy ra trên địa bàn thì thôn, tổ dân phố phải làm gì?

Trả lời:

Khi có vụ án xảy ra trên địa bàn, thôn, tổ dân phố phải thực hiện:

- Kịp thời báo cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương, đồng thời tham gia bắt giữ người phạm tội quả tang, chữa cháy, cứu người,

cứu tài sản, cấp cứu nạn nhân, giữ gìn trật tự công cộng, v.v..

- Giúp đỡ công an bảo vệ nguyên vẹn hiện trường vụ án, cung cấp tin tức những người có liên quan đến vụ việc, nơi ẩn náu của người phạm tội, nơi cất giữ các đồ vật, phương tiện phạm tội, nơi chứa chấp, tiêu thụ tài sản của người phạm tội để điều tra, giải quyết, xử lý.

- Tham gia tuyên truyền, ổn định tư tưởng nhân dân, không phát ngôn bừa bãi, phao tin đồn nhảm, gây nghi ngờ, lo lắng trong quần chúng, gây ảnh hưởng xấu đến các hoạt động khác của cộng đồng, cảnh giác phòng ngừa nhằm không để vụ việc tái diễn.

Câu hỏi 23: Phòng vệ chính đáng là gì?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 15 Bộ luật hình sự hiện hành quy định:

“1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm”.

Khi có một hành vi nguy hiểm đang xâm hại lợi ích của Nhà nước, của tổ chức hoặc quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đang gây nên hoặc đe dọa gây nên những thiệt hại đáng kể cho các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ thì

bất kỳ người nào cũng có quyền phòng vệ, ngăn cản, chống trả lại một cách cần thiết, không cho hành vi đó tiếp diễn.

Câu hỏi 24: Thế nào là phạm tội quả tang?

Trả lời:

Phạm tội quả tang là trường hợp người phạm tội đang thực hiện hành vi phạm tội hoặc ngay sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị phát hiện hoặc đang bị đuổi bắt sau khi thực hiện hành vi phạm tội.

Phạm tội quả tang có các trường hợp:

- *Trường hợp thứ nhất:* đang thực hiện tội phạm thì bị phát hiện. Đây là trường hợp người phạm tội đang thực hiện hành vi phạm tội thì bị phát hiện và bắt giữ.

- *Trường hợp thứ hai:* ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện. Là trường hợp người phạm tội vừa thực hiện tội phạm xong chưa kịp chạy trốn, chưa kịp cất giấu hoặc đang tìm cách cất giấu tang vật, đang xoá dấu vết của tội phạm thì bị bắt giữ ngay; những chứng cứ về hành vi phạm tội còn rất cụ thể, rõ ràng.

- *Trường hợp thứ ba:* ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị đuổi bắt. Là trường hợp người phạm tội vừa thực hiện tội phạm xong hoặc đang thực hiện tội phạm thì bị phát hiện và bỏ chạy, người bị hại hoặc người có mặt tại nơi đó hô hoán, đuổi theo để bắt đối tượng.

Câu hỏi 25: Khi phát hiện người phạm tội quả tang thì thôn, tổ dân phố phải làm gì?

Trả lời:

Khi phát hiện người có hành vi phạm tội quả tang, công dân đều có quyền bắt hoặc huy động mọi người cùng bắt, tước vũ khí, thu giữ vật chứng, thông báo hoặc giải ngay người phạm tội bị bắt đến cơ quan có thẩm quyền (ủy ban nhân dân, công an) nơi gần nhất.

Nếu có người bị thương do hành vi người phạm tội quả tang gây ra thì thôn, tổ dân phố phải cử người đưa nạn nhân đi cấp cứu, đồng thời tham gia giữ nguyên hiện trường nơi xảy ra vụ việc, có trách nhiệm giúp cơ quan chức năng điều tra, bắt giữ, xử lý tội phạm.

Câu hỏi 26: Tổ giác tội phạm là gì?

Trả lời:

- Tổ giác tội phạm là hoạt động của cá nhân nhằm tố cáo trước cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội về người hoặc hành động phạm tội đã, đang và sẽ xảy ra. Nội dung tố giác là một trong những nguồn tin ban đầu về những vụ, việc có tính hình sự, là nội dung phản ánh đầu tiên về vụ việc đó mà người tố giác đã có những thông tin cho rằng đó là tội phạm.

- Tin báo tố giác tội phạm là thông tin, thông báo, báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân với cơ quan công an về những hành vi, vụ việc đã xảy ra

mà cơ quan, tổ chức, cá nhân cho rằng đó là tội phạm. Tin báo tố giác về tội phạm đóng vai trò rất quan trọng trong phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn và điều tra xử lý tội phạm, đảm bảo nhanh chóng, đúng người, đúng tội. Tố giác của cơ quan tổ chức, cá nhân là một trong những căn cứ để khởi tố vụ án.

Tố giác có thể bằng miệng, bằng văn bản, việc tiếp nhận tố giác tội phạm của cơ quan chức năng đều phải thể hiện bằng văn bản để phục vụ cho việc xử lý sau này.

Câu hỏi 27: Trách nhiệm của công dân trong việc tố giác tội phạm?

Trả lời:

Khoản 3 Điều 4 Bộ luật hình sự hiện hành quy định: “Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm”. Người không tố giác tội phạm sẽ bị xử lý theo Điều 314 Bộ luật hình sự hiện hành.

Như vậy việc tố giác tội phạm là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi công dân được pháp luật quy định. Công dân thực hiện và làm tròn nghĩa vụ tố giác tội phạm sẽ góp phần quan trọng trong phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật, có ý nghĩa và tác dụng giúp các cơ quan chức năng có biện pháp kịp thời đấu tranh, xử lý tội phạm để bảo vệ lợi ích của Nhà nước,

quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, giữ nghiêm kỷ cương phép nước, sự an toàn của cộng đồng xã hội.

Việc tố giác tội phạm của công dân phải đảm bảo chính xác, trên cơ sở nắm bắt, quan sát, ghi nhận đầy đủ các thông tin có liên quan đến tội phạm hoặc người đã thực hiện hành vi phạm tội và phải kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng điều tra giải quyết, xử lý người phạm tội.

Câu hỏi 28: Nếu biết người khác phạm tội mà không tố giác thì bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Người biết rõ về người khác phạm tội một cách chính xác như đang chuẩn bị phạm tội, đang thực hiện hoặc đã thực hiện hành vi phạm tội mà không tố giác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc những người có trách nhiệm biết, mặc dù có đủ điều kiện, khả năng để tố giác tội phạm đó thì phạm tội không tố giác tội phạm.

Điều 314 Bộ luật hình sự hiện hành quy định: Người nào biết rõ một trong các tội phạm được quy định tại Điều 313 của Bộ luật hình sự hiện hành đang được chuẩn bị, đang hoặc đã được thực hiện mà không tố giác, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

- Người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh, chị, em ruột, vợ hoặc chồng của người

phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về việc không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia, hoặc các tội khác là tội đặc biệt nghiêm trọng được quy định tại khoản 1 Điều 314 Bộ luật hình sự hiện hành.

- Người không tố giác nếu đã có hành động can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt.

Câu hỏi 29: Thế nào là hành vi che giấu tội phạm?

Trả lời:

Che giấu tội phạm là hành vi của người tuy không có sự thoả thuận, hứa hẹn từ trước, nhưng sau khi biết người khác đã thực hiện hành vi phạm tội đã tạo điều kiện giúp đỡ người phạm tội lẫn trốn, gây khó khăn, cản trở cho việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm và người phạm tội.

Người nào không hứa hẹn trước mà che giấu một trong các tội phạm quy định tại các điều được quy định trong khoản 1 Điều 313 Bộ luật hình sự hiện hành, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

Phạm tội trong trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở việc phát hiện tội phạm hoặc có những hành vi khác bao che người phạm tội, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Câu hỏi 30: Khi thấy người đang gặp nguy hiểm đến tính mạng mà người có điều kiện nhưng không cứu giúp thì có phạm tội không? Bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Người đang trong tình trạng gặp nguy hiểm đến tính mạng là người đang gặp sự cố rủi ro, tai nạn, v.v. đang bị đe dọa trực tiếp đến sự sống, nếu không được cứu giúp kịp thời.

Điều 102 Bộ luật hình sự hiện hành quy định: “1. Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm:

a) Người không cứu giúp là người đã vô ý gây ra tình trạng nguy hiểm;

b) Người không cứu giúp là người mà theo pháp luật hay nghề nghiệp có nghĩa vụ phải cứu giúp.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”.

Tuy nhiên, nếu người không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, nhưng không gây ra hậu quả chết người thì người đó vẫn có thể bị xem xét xử lý bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 31: Thôn, tổ dân phố thực hiện phòng, chống trộm cắp tài sản ở khu dân cư như thế nào?

Trả lời:

Để bảo vệ an toàn tài sản, các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố phải chú ý việc phòng, chống trộm cắp tài sản ở khu dân cư như sau:

- Trưởng thôn, phó trưởng thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố phối hợp với công an xã, cảnh sát khu vực thường xuyên tuyên truyền và thông báo thủ đoạn hoạt động của các đối tượng có hành vi trộm cắp tài sản để quần chúng nhân dân nâng cao cảnh giác, chủ động phòng ngừa, bắt giữ đối tượng trộm cắp tài sản của gia đình, hàng xóm và tài sản của tập thể, của Nhà nước ở khu dân cư.

- Phát động quần chúng tích cực tố giác tội phạm, tham gia tuần tra nhân dân, chấp hành việc kiểm tra nhân khẩu, hộ khẩu nhằm phát hiện tội phạm ẩn náu để trộm cắp. Khi có đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ở địa bàn dân cư thì các hộ gia đình và mọi người phải hô hoán, bao vây, bắt giữ và dẫn giải người phạm tội giao công an xử lý.

Câu hỏi 32: Khi mua, bán, sử dụng tài sản mà biết đó là tài sản do người khác phạm tội mà có thì có phải là vi phạm pháp luật không?

Trả lời:

Hành vi mua, bán, sử dụng tài sản mà biết đó là tài sản do người khác phạm tội mà có như cướp,

trộm cắp, lừa đảo, cưỡng đoạt, v.v. mà để nhờ, cất giấu ở nhà mình, nơi mình ở hoặc mua, bán, trao đổi những tài sản đó là vi phạm pháp luật.

Điều 250 Bộ luật hình sự hiện hành quy định:

Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Phạm tội có tổ chức; có tính chất chuyên nghiệp; tài sản, vật phạm pháp có giá trị lớn; thu lợi bất chính lớn; tái phạm nguy hiểm thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Tài sản, vật phạm pháp có giá trị rất lớn; thu lợi bất chính rất lớn thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm.

Tài sản, vật phạm pháp có giá trị đặc biệt lớn; thu lợi bất chính đặc biệt lớn thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này.

Câu hỏi 33: Khi có vụ việc về an ninh trật tự xảy ra trên địa bàn, các thành viên trong thôn, tổ dân phố phải làm gì?

Trả lời:

Những vụ việc về an ninh trật tự xảy ra trên địa bàn dân cư rất đa dạng như các vụ án hình sự, vi phạm hành chính, các tệ nạn xã hội, các vụ

cháy, nổ, tai nạn v.v.. Vì vậy, khi có vụ việc xảy ra, thôn, tổ dân phố phải báo ngay cho chính quyền, cơ quan công an nơi gần nhất hoặc các cơ quan chức năng biết để giải quyết, xử lý.

- Đối với các vụ án hình sự xảy ra thì mọi người phải có trách nhiệm báo tin ngay cho cơ quan công an nơi gần nhất; tố giác tội phạm, cấp cứu nạn nhân, tham gia bảo vệ hiện trường, phối hợp giúp đỡ cơ quan công an điều tra, bắt giữ đối tượng phạm tội.

- Đối với vụ việc phạm tội quả tang thì phải vây bắt người phạm tội và dẫn giải giao cho cơ quan công an nơi gần nhất.

- Đối với các vụ việc về dân sự, hành chính thì căn cứ quy định của pháp luật, quy ước của địa phương, cơ sở để phản ánh với cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết, xử lý. Đồng thời các gia đình trong tổ, trên tinh thần tình làng nghĩa xóm, có trách nhiệm tham gia giải quyết vụ việc có lý, có tình, không để sự việc phát triển phức tạp, gây xung đột.

Câu hỏi 34: Trách nhiệm của công dân tham gia bảo vệ hiện trường vụ án?

Trả lời:

Hiện trường vụ án được hiểu ngắn gọn là nơi xảy ra vụ án, hoặc nơi phát hiện tội phạm. Công dân có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất biết, đồng thời tham gia bảo vệ hiện trường vụ án, cấp cứu nạn

nhân (nếu có); cung cấp cho cơ quan điều tra những thông tin về người, sự việc, vật chứng có liên quan đến vụ án để điều tra, bắt giữ, xử lý tội phạm.

Câu hỏi 35: Trách nhiệm của người làm chứng?

Trả lời:

Người làm chứng là người biết được các tình tiết, nội dung có liên quan đến vụ án, hoặc nhìn thấy trực tiếp, nghe thấy, hoặc được người khác kể lại về những tình tiết có liên quan đến vụ án, được cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập đến (hoặc tự nguyện đến) để khai báo về tình tiết, nội dung vụ án.

Người làm chứng có trách nhiệm có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, khai báo trung thực tất cả những tình tiết mà mình biết về vụ án, nếu khai báo thiếu trung thực mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Câu hỏi 36: Người làm chứng có thể bị dẫn giải trong trường hợp nào?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 134 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định: Trong trường hợp người làm chứng đã được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát triệu tập nhưng cố ý không đến mà không có lý do chính đáng và việc họ vắng mặt gây trở ngại cho việc điều tra, truy tố thì cơ quan đã triệu tập người làm chứng có thể ra quyết định dẫn giải.

PHẦN IV

NỘI DUNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ, TỆ NẠN XÃ HỘI

Câu hỏi 37: Thế nào là tệ nạn xã hội?

Trả lời:

Tệ nạn xã hội là hiện tượng tiêu cực xã hội như cờ bạc, ma túy, mại dâm... là hành vi vi phạm pháp luật, các chuẩn mực đạo đức, nhân cách, các giá trị đạo đức truyền thống, thuần phong mỹ tục, lối sống thực dụng, ảnh hưởng xấu đến kinh tế, sức khỏe, năng suất lao động, giống nòi, phá vỡ hạnh phúc gia đình và là nguyên nhân phát sinh tội phạm.

Vì vậy, mọi công dân phải quản lý, nhắc nhở nhau không chơi cờ bạc, không sử dụng ma túy, không hành nghề mại dâm, mê tín dị đoan, v.v.. Việc phòng, chống tệ nạn xã hội là trách nhiệm của mỗi người dân, của toàn xã hội và phải được tiến hành thường xuyên, tích cực, triệt để, phải thực hiện ngay từ trong mỗi gia đình và cộng đồng dân cư.

Câu hỏi 38: Chất ma túy là gì?

Trả lời:

Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần, có nguồn gốc từ tự nhiên hoặc nhân

tạo như thuốc phiện, cần sa, hêrôin, moócphin, hồng phiến, côcain, thuốc lắc...; khi đưa nó vào cơ thể người như tiêm chích, hút hít, uống, ngậm, nuốt, v.v. sẽ tác động thay đổi trạng thái ý thức và sinh lý của người đó, làm cho người sử dụng phải lệ thuộc vào nó và sẽ gây ra những hậu quả nguy hiểm, kể cả nguy hại đến tính mạng, ảnh hưởng xấu đến đời sống, tình hình an ninh trật tự trong cộng đồng dân cư.

Câu hỏi 39: Nghiện chất ma túy có tác hại như thế nào?

Trả lời:

Nghiện chất ma túy ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe, tính mạng con người. Nhiều người đã tử vong do việc lạm dụng các chất ma túy. Ma túy huỷ hoại thể xác, giống nòi, làm mất nhân cách, gây hại cho con cái từ khi còn trong bào thai, gây rối loạn tâm sinh lý, bệnh tật dễ xâm nhập do cơ thể suy giảm khả năng đề kháng và miễn dịch, đặc biệt là căn bệnh HIV/AIDS có thể lây nhiễm cho những người liên quan.

Người nghiện các chất ma túy khi lên cơn nghiện dễ có hành vi phạm tội như trộm cắp, lừa đảo, cướp của, giết người, thậm chí phạm tội với cả cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, em mình để có tiền thoả mãn cơn nghiện, làm kinh tế khánh kiệt, lâm vào tình cảnh khốn quẫn, gây hậu quả xấu cho gia đình và xã hội.

Câu hỏi 40: Cách phát hiện người nghiện ma túy?

Trả lời:

Người nghiện ma túy có những biểu hiện khác nhau, song thường có một số dấu hiệu chung như sau:

- Thường mang theo bật lửa, diêm, giấy bạc hoặc xi lanh theo người.

- Lừa dối để vơ vét tiền của người thân, bán tài sản của gia đình, trộm cắp tài sản hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác để đạt mục đích là có tiền để sử dụng chất ma túy.

- Hay toát mồ hôi, ngáp vặt, ngủ gật, nhổ nước bọt, nôn ói, da tái xanh.

- Tính cách thay đổi, hay cáu gắt, hoặc có nhiều biểu hiện không bình thường trong sinh hoạt hằng ngày, thường tụ tập, chơi bời với bạn bè xấu.

- Hay ngủ ngày, thức đêm, thường xuyên bỏ học (đối với học sinh, sinh viên).

Câu hỏi 41: Gia đình có người nghiện ma túy cần phải làm gì?

Trả lời:

Gia đình có người nghiện ma túy phải tìm hiểu để nắm được hành vi cũng như nguyên nhân, điều kiện người thân nghiện chất ma túy.

Mạnh dạn báo cáo công an, chính quyền cơ sở về việc con em trong gia đình nghiện ma túy, tình

trạng nghiện để tranh thủ sự giúp đỡ, quản lý, giáo dục của cộng đồng.

Thực hiện phương pháp cai nghiện tại gia đình theo hướng dẫn và giám sát của cán bộ y tế. Không cho người nghiện tiếp xúc với bạn nghiện hoặc các đối tượng xấu, để phòng người nghiện có hành vi phạm tội.

Nếu người nghiện không có khả năng cai nghiện ở gia đình và cộng đồng thì gia đình phải có đơn báo cáo chính quyền cho đi cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội, gia đình phải phối hợp chặt chẽ với trung tâm để động viên, giáo dục người nghiện có ý thức quyết tâm cai nghiện.

Sau cai nghiện, gia đình phải tiếp tục quản lý, giáo dục để họ không tái nghiện, đồng thời chủ động báo cáo chính quyền, các đoàn thể quan tâm tạo công ăn việc làm, giúp họ ổn định cuộc sống, hoà nhập cộng đồng.

Câu hỏi 42: Việc giúp đỡ người nghiện ma tuý cai nghiện tại cộng đồng dân cư của thôn, tổ dân phố như thế nào?

Trả lời:

Thôn, tổ dân phố phải kịp thời phát hiện những người nghiện ma tuý cư trú trong thôn, tổ. Tích cực tham gia quản lý, giáo dục, giúp đỡ người nghiện cai nghiện ma tuý tại cộng đồng. Mọi người không nên mặc cảm, không phân biệt đối xử, xa lánh người nghiện, thường xuyên thăm hỏi,

động viên, giúp đỡ để họ quyết tâm cai nghiện; phòng ngừa họ có hành vi vi phạm pháp luật. Nếu thấy cần thiết thì trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố đề xuất cho tổ chức kiểm điểm người nghiện ma túy trước dân, nếu họ vi phạm cam kết với chính quyền, công an và thôn, tổ dân phố.

Câu hỏi 43: Người cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Điều 200 Bộ luật hình sự hiện hành quy định:

- Người nào cưỡng bức hoặc lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

+ Có tổ chức;

+ Phạm tội nhiều lần;

+ Vì động cơ đê hèn;

+ Đối với người chưa thành niên từ đủ 13 tuổi trở lên;

+ Đối với phụ nữ mà biết là đang có thai;

+ Đối với nhiều người;

+ Đối với người đang cai nghiện;

+ Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%;

+ Gây bệnh nguy hiểm cho người khác;

+ Tái phạm nguy hiểm.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp

sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm:

- + Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc gây chết người;

- + Gây bệnh nguy hiểm cho nhiều người;

- + Đối với trẻ em dưới 13 tuổi.

- Phạm tội trong trường hợp gây chết nhiều người hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ hai mươi năm hoặc tù chung thân.

- Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng.

Câu hỏi 44: Thế nào là tội đánh bạc, hành vi đánh bạc bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Đánh bạc là hành vi được thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào với mục đích được thua bằng tiền hay hiện vật do nhiều người (ít nhất là từ hai người trở lên) cùng tham gia nhằm thu lợi ích bất chính.

Hình thức đánh bạc có thể là đánh bài, tổ tôm, xóc đĩa, đánh ba cây, tá lả, tú lơ khơ, tứ sắc, cờ thế, đồ đen, đá gà (chọi gà), cá độ bóng đá, v.v. hoặc các hình thức khác mà được thua bằng tiền, hiện vật.

Mọi hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật. Bị xử lý hành chính theo Điều 23 Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12-7-2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh

vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 73/2010/NĐ-CP). Bị xử lý hình sự theo Điều 248 Bộ luật hình sự hiện hành.

Câu hỏi 45: Người chứa mại dâm, môi giới mại dâm, người hành nghề mại dâm bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Mại dâm là tệ nạn xã hội với hành vi nhằm thực hiện các dịch vụ quan hệ tình dục có tính chất mua bán trên cơ sở một giá trị vật chất nhất định ngoài phạm vi hôn nhân, như: bán dâm, mua dâm, chứa mại dâm, tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, môi giới mại dâm, bảo kê mại dâm và các hành vi khác liên quan đến tệ nạn mại dâm.

Người chứa mại dâm bị phạt tù từ một năm đến bảy năm, có thể bị phạt tù mức cao nhất là tù chung thân nếu gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế từ một năm đến năm năm (Điều 254 Bộ luật hình sự hiện hành).

Người môi giới, dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm, có thể bị phạt tù đến hai mươi năm nếu gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng (Điều 255 Bộ luật hình sự hiện hành).

Người bán dâm có tính chất thường xuyên từ đủ 14 tuổi trở lên, có nơi cư trú nhất định thì bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; người bán dâm có tính chất thường xuyên từ đủ 16 tuổi đến 55 tuổi đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định thì đưa vào cơ sở chữa bệnh. Không đưa vào cơ sở chữa bệnh người bán dâm dưới 16 tuổi hoặc trên 55 tuổi (Điều 18 Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15-10-2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm).

Câu hỏi 46: Mục đích, ý nghĩa công tác giáo dục đối tượng tại cơ sở?

Trả lời:

Quản lý, giáo dục đối tượng tại cơ sở là nội dung quan trọng trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, là quá trình vận dụng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát huy vai trò của các tổ chức, đoàn thể quần chúng để quản lý những người phạm tội, vi phạm pháp luật, xâm hại đến an ninh trật tự, những người có điều kiện, khả năng phạm tội hoặc đang có biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội, hoặc những người có biểu hiện sai lệch với chuẩn mực đạo đức, lối sống, nhằm giáo dục họ trở thành công dân lương thiện, góp phần phòng

ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật.

Mục đích quản lý, giáo dục đối tượng ở địa bàn cơ sở không chỉ nhằm xoá bỏ các điều kiện, khả năng hoạt động phạm tội, vi phạm pháp luật, mà còn giáo dục những con người chống đối, lệch chuẩn, vi phạm pháp luật trở thành những công dân lương thiện.

Quản lý, giáo dục đối tượng được tiến hành tại xã, phường, thị trấn, thôn, xóm nơi người đó đang cư trú. Tất cả những người vi phạm pháp luật, gây tổn hại đến cộng đồng đều phải được quản lý, giáo dục, cảm hoá.

Các biện pháp quản lý giáo dục đối tượng phải căn cứ vào pháp luật, huy động toàn dân tham gia, coi trọng biện pháp giáo dục, thuyết phục trên cơ sở truyền thống đạo đức, thuần phong mỹ tục, nội quy, quy ước của địa phương và cơ sở theo phương châm kết hợp trấn áp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục cải tạo để họ hoàn lương.

Câu hỏi 47: Những người nào thì áp dụng biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng?

Trả lời:

Đưa vào Trường giáo dưỡng là biện pháp xử lý hành chính đối với người chưa thành niên có hành vi vi phạm pháp luật, được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 142/2003/NĐ-CP ngày 24-11-

2003 của Chính phủ¹ để học văn hoá, giáo dục hướng nghiệp, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục của trường.

Những người chưa thành niên sau đây có hành vi vi phạm pháp luật cần phải đưa vào Trường giáo dưỡng là:

- Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, quy định tại Bộ luật hình sự.

- Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm ít nghiêm trọng, hoặc tội phạm nghiêm trọng quy định tại Bộ luật hình sự mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp vặt, lừa đảo nhỏ, đánh bạc nhỏ, gây rối trật tự công cộng mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định.

Căn cứ pháp lý để xác định độ tuổi là giấy khai sinh. Nếu không có giấy khai sinh thì phải căn cứ

1. Nghị định số 66/2009/NĐ-CP ngày 01-8-2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 142/NĐ-CP ngày 24-11-2003 quy định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng.

vào chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ khẩu. Độ tuổi được xác định là độ tuổi khi đối tượng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Nếu vào thời điểm ký quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng mà người đó đã đủ 18 tuổi trở lên thì không áp dụng biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng mà xem xét, lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục nếu thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp này.

Trường hợp người chưa thành niên thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật vừa thuộc đối tượng đưa vào Trường giáo dưỡng, vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở chữa bệnh thì cơ quan có thẩm quyền chỉ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh. Cơ quan đã thụ lý hồ sơ có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ về người đó cho hội đồng tư vấn về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh để tiến hành các thủ tục tiếp theo theo quy định của pháp luật.

Không áp dụng biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng đối với người nước ngoài.

Câu hỏi 48: Những đối tượng nào phải đưa vào Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội?

Trả lời:

Những đối tượng phải bắt buộc đưa vào Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội là:

- Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã bị xử phạt vi phạm hành chính về việc sử dụng trái phép chất ma túy mà vẫn còn nghiện; đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; đã được giáo

dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc người nghiện ma túy không có nơi cư trú nhất định thì công an xã, phường, thị trấn thu thập tài liệu giúp ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đề nghị đưa người nghiện ma túy đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội.

- Người bán dâm có tính chất thường xuyên từ đủ 16 tuổi đến 55 tuổi đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng vẫn tái phạm hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định thì công an xã, phường, thị trấn thu thập tài liệu, giúp ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đề nghị đưa vào Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội để chữa bệnh, học nghề.

Câu hỏi 49: Những đối tượng nào bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?

Trả lời:

Giáo dục tại xã, phường, thị trấn là biện pháp xử lý hành chính do chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định để quản lý, giáo dục đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã, phường, thị trấn. Khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 163/2003/NĐ-CP ngày 19-12-2003 của Chính phủ quy định:

Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được áp dụng đối với những đối tượng sau đây:

- Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự;

- Người từ đủ 12 tuổi trở lên nhiều lần có hành vi trộm cắp vặt, lừa đảo nhỏ, đánh bạc nhỏ, gây rối trật tự công cộng;

- Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên;

- Người bán dâm có tính chất thường xuyên từ đủ 14 tuổi trở lên;

- Người có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây từ hai lần vi phạm trở lên trong một năm, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như: xâm phạm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài; xâm phạm tài sản của tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài; chống người thi hành công vụ; lợi dụng quyền tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng để lôi kéo, kích động người khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; tổ chức cưỡng ép, lôi kéo, dụ dỗ người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép.

- Người có hành vi vi phạm pháp luật thuộc đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, nhưng trên 55 tuổi đối với nữ và trên 60 tuổi đối với nam.

Không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người nước ngoài.

Câu hỏi 50: Việc quản lý, giáo dục, cảm hoá người vi phạm pháp luật ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Việc quản lý, giáo dục, cảm hoá người vi phạm pháp luật ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau:

- Trưởng thôn, phó trưởng thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố phối hợp với công an xã, phường, thị trấn, các đoàn thể, trực tiếp là tổ chức, cá nhân được phân công nhiệm vụ giúp đỡ đối tượng có trách nhiệm tham gia quản lý, giáo dục, giúp đỡ người vi phạm pháp luật có quyết định quản lý giáo dục; tiến hành các biện pháp quản lý, giáo dục như thường xuyên gặp gỡ, tìm hiểu nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh dẫn đến người đó vi phạm, nắm tâm tư nguyện vọng, động viên, giúp đỡ họ trong cuộc sống và giúp họ tìm kiếm việc làm để ổn định cuộc sống, không mặc cảm, xa lánh, phân biệt đối xử đối với người đang được quản lý giáo dục tại cộng đồng.

- Yêu cầu đối tượng kiểm điểm và viết bản cam kết không vi phạm, tổ chức kiểm điểm đối tượng trước dân trong phạm vi tổ khi thấy cần thiết.

- Người được phân công quản lý, giáo dục đối tượng trong diện phải định kỳ báo cáo kết quả việc quản lý, giáo dục, cảm hoá của người vi phạm. Hết thời gian giáo dục, tổ trưởng tổ dân phố và người được giao trách nhiệm quản lý, giáo

dục đối tượng tổ chức họp với đại diện các đoàn thể và nhân dân để nhận xét. Nếu đối tượng tiến bộ thì báo cáo công an xã đề nghị ủy ban nhân dân xã ra quyết định thôi áp dụng biện pháp quản lý, giáo dục. Đối với người không tiếp thu giáo dục, có hành vi tái phạm thì tổ trưởng tổ dân phố, người được giao trách nhiệm quản lý, giáo dục phối hợp công an xã, phường, thị trấn lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý ở mức cao hơn theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 51: Việc kiểm điểm người vi phạm pháp luật trước dân được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Kiểm điểm người vi phạm pháp luật trước dân là biện pháp quần chúng mang tính hành chính ở địa bàn dân cư, nhằm giáo dục giúp đỡ họ nhận ra sai lầm, khuyết điểm để sửa chữa, trở thành người lương thiện. Những người cần kiểm điểm trước dân gồm: người có hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức phải xử lý bằng hình sự, hiện đang cư trú ở địa bàn dân cư; người đang thi hành các hình phạt theo quyết định của bản án hình sự như đang thi hành án treo, quản chế, cải tạo không giam giữ, cấm đi khỏi nơi cư trú, cư trú bắt buộc; người chấp hành xong án phạt tù, được ra trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục về nơi cư trú nhưng còn vi phạm pháp luật chưa đến mức phải xử lý bằng hình sự.

Người vi phạm phải viết kiểm điểm về hành vi vi phạm và cam kết sửa chữa và đọc tại buổi kiểm điểm trước dân.

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổ chức họp dân để kiểm điểm người vi phạm pháp luật theo hướng dẫn của công an, chỉ đạo của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và hướng dẫn của công an xã, cảnh sát khu vực. Bố trí thời gian, địa điểm, mời đại diện các gia đình, đoàn thể đến dự và chủ trì cuộc họp.

Tại cuộc họp, người vi phạm pháp luật đọc bản kiểm điểm quá trình vi phạm và bản cam kết sửa chữa vi phạm. Nếu kiểm điểm nhiều người cùng một buổi thì lần lượt từng người đọc bản kiểm điểm và bản cam kết. Các đại biểu phát biểu ý kiến phê bình, khuyên răn người vi phạm; góp ý kiến để giúp đỡ người đó sửa chữa tiến bộ. Đại diện gia đình người bị kiểm điểm có thể có ý kiến tiếp thu để cùng giáo dục người vi phạm pháp luật sửa chữa tiến bộ.

Cuộc họp phải được ghi thành biên bản, báo cáo lên trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, công an, ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và lưu hồ sơ để theo dõi.

PHẦN V

**NỘI DUNG CÔNG TÁC GIỮ GÌN
AN TOÀN GIAO THÔNG, TRẬT TỰ
CÔNG CỘNG, PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY**

Câu hỏi 52: Vi phạm hành chính là gì?

Trả lời:

Vi phạm hành chính là những hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý xâm phạm những quy định của pháp luật hành chính và theo quy định của pháp luật phải xử phạt vi phạm hành chính.

Những vi phạm hành chính xảy ra ở địa bàn dân cư diễn ra rất đa dạng, ở mọi thời gian, mọi lĩnh vực. Đó là các hành vi vi phạm pháp luật chưa đến mức phải xử lý bằng hình sự như trộm cắp vặt, đánh bạc nhỏ, tham gia các tệ nạn xã hội, vi phạm trật tự công cộng, an toàn giao thông, vi phạm các quy định của Nhà nước, quản lý thị trường, phòng, chống dịch bệnh, ô nhiễm môi trường v.v..

Người vi phạm sẽ bị xử lý theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính hiện hành như: cảnh cáo;

phạt tiền; trục xuất; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề...

Câu hỏi 53: Người đi xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia giao thông cần phải như thế nào?

Trả lời:

Các thành viên trong tổ dân phố tuyên truyền nhắc nhở nhau nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật an toàn giao thông.

Đối với người đi xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia giao thông phải:

- Có giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe, giấy chứng nhận bảo hiểm và các giấy tờ cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

- Kiểm tra thiết bị an toàn phương tiện như đèn chiếu sáng, đèn báo hiệu sang đường (đèn xi nhan), đèn báo hãm (đèn phanh), còi, gương chiếu hậu, v.v. trước khi tham gia giao thông.

- Khi tham gia giao thông phải chú ý quan sát, đi về phía bên phải đường, đi đúng phần đường, đi đúng tốc độ quy định. Nghiêm chỉnh chấp hành biển báo hiệu đường bộ và hiệu lệnh của cảnh sát điều khiển giao thông.

- Người điều khiển và người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm và cài dây mũ bảo hiểm đúng quy cách. Không chở quá số người trên xe. Không phóng nhanh, vượt ẩu, lạng lách, đánh võng, đua xe trái phép, không sử

dụng ô, điện thoại di động, mang vác, chở vật công kênh, không uống rượu, bia quá mức quy định.

Thực hiện các quy định khác của pháp luật về an toàn giao thông.

Câu hỏi 54: Để bảo vệ an toàn đường sắt đi qua khu vực dân cư, thôn, tổ dân phố phải làm gì?

Trả lời:

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố cần nhắc nhở các hộ gia đình thành viên trong tổ nêu cao ý thức trách nhiệm tham gia bảo vệ an toàn đường sắt với những nội dung cơ bản là:

- Tuyên truyền, nhắc nhở mọi người về ý nghĩa, tầm quan trọng của vận tải đường sắt và an toàn chạy tàu. Tích cực phòng ngừa, ngăn chặn, bắt giữ đối tượng có hành vi trộm cắp, phá huỷ vật tư, thiết bị đường sắt, như bulông, coócsuốt, lập lách, v.v. các loại biển báo hiệu, hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt v.v..

- Không lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt theo quy định. Không mở đường ngang qua đường sắt khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

- Không để chướng ngại vật, đồ chất độc hại, chất phế thải, chất cháy... lên đường sắt; không chắn thả súc vật, hạp chợ, chơi đùa, hóng mát trên đường sắt. Không treo, phơi, đặt vật cản làm che lấp hoặc làm sai lệch tín hiệu giao thông

đường sắt. Tuyệt đối không ném đất đá hoặc các vật khác lên tàu.

Khi phát hiện sự cố, gây nguy hiểm đến an toàn đường sắt, an toàn chạy tàu thì phải khẩn cấp báo ngay cho cơ quan quản lý đường sắt và chủ động, tích cực tham gia giúp cơ quan chủ quản khắc phục, giải quyết.

Câu hỏi 55: Người hành nghề đò ngang chở khách cần phải thực hiện những quy định nào?

Trả lời:

Người hành nghề đò ngang chở khách phải chấp hành các quy định sau:

- Có chứng chỉ chuyên môn điều khiển phương tiện vận tải khách ngang sông theo quy định.
- Có giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của phương tiện vận tải khách ngang sông, giấy phép đăng ký kinh doanh.
- Bến đò phải được cấp phép khi sử dụng.
- Trên đò phải có đủ phao, áo phao cứu hộ.
- Không chở khách quá số lượng người và trọng tải cho phép, hoặc chất nổ, chất dễ cháy.

Câu hỏi 56: Tội đua xe trái phép bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Điều 207 Bộ luật hình sự hiện hành quy định:

Người nào đua trái phép xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ gây thiệt hại cho sức khỏe, tài sản của người khác hoặc đã bị xử

phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm: gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khoẻ, tài sản của người khác; gây tai nạn rồi bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn; tham gia cá cược; chống lại người có trách nhiệm bảo đảm trật tự an toàn giao thông hoặc người có trách nhiệm giải tán cuộc đua xe trái phép; đua xe nơi tập trung đông dân cư; tháo dỡ các thiết bị an toàn khỏi phương tiện đua; tái phạm về tội này hoặc tội tổ chức đua xe trái phép.

- Phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm hoặc gây hậu quả rất nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.

- Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm.

- Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến ba mươi triệu đồng.

Câu hỏi 57: Thế nào là phạm vi bảo vệ đề điều? Các hộ gia đình thành viên trong thôn, tổ dân phố phải chấp hành như thế nào?

Trả lời:

Điều 23 Luật đề điều năm 2006 quy định phạm vi bảo vệ đề điều như sau:

- Phạm vi bảo vệ đề điều bao gồm đề, kè bảo vệ đề, cống qua đề, công trình phụ trợ và hành lang bảo vệ đề, kè bảo vệ đề, cống qua đề.

- Hành lang bảo vệ đề được quy định như sau:

+ Hành lang bảo vệ đề đối với đề cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và cấp III ở những vị trí đề đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch được tính từ chân đề trở ra năm mét về phía sông và phía đồng; hành lang bảo vệ đề đối với các vị trí khác được tính từ chân đề trở ra 25 mét về phía đồng, 20 mét về phía sông đối với đề sông, đề cửa sông và 200 mét về phía biển đối với đề biển;

+ Hành lang bảo vệ đề đối với đề cấp IV, cấp V do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nhưng không được nhỏ hơn năm mét tính từ chân đề trở ra về phía sông và phía đồng.

- Hành lang bảo vệ đối với kè bảo vệ đề, cống qua đề được giới hạn từ phần xây đúc cuối cùng của kè bảo vệ đề, cống qua đề trở ra mỗi phía 50 mét.

Các hộ gia đình thành viên trong thôn, tổ dân phố phải chấp hành nghiêm chỉnh Luật đề điều. Nghiêm cấm các hành vi:

- Phá hoại đề điều.

- Nổ, phá gây nguy hại đến thân đề, trừ trường hợp khẩn cấp được người có thẩm quyền quy định tại Điều 34 của Luật đề điều năm 2006 quyết định nổ, phá nhằm phân lũ, làm chậm lũ để hộ đề.

- Vận hành trái quy chuẩn kỹ thuật đối với

công trình phân lũ, làm chậm lũ, cống qua đê, công trình tràn sự cố, cửa khẩu qua đê, trạm bơm, âu thuyền trong phạm vi bảo vệ đê điều.

- Vận hành hồ chứa nước thượng lưu trái quy chuẩn kỹ thuật gây ảnh hưởng đến đê điều.

- Xây dựng công trình, nhà ở trong phạm vi bảo vệ đê điều, trừ công trình phục vụ phòng, chống lũ, lụt, bão, công trình phụ trợ và công trình đặc biệt.

- Sử dụng xe cơ giới vượt quá tải trọng cho phép đi trên đê; sử dụng xe cơ giới đi trên đê khi có biển cấm trong trường hợp đê có sự cố hoặc có lũ, lụt, bão, trừ xe kiểm tra đê, xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, cứu thương, cứu hỏa.

- Đổ chất thải trong phạm vi bảo vệ đê điều, ở bãi sông, lòng sông; để vật liệu trên đê, trừ vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão.

- Chiếm dụng, sử dụng hoặc di chuyển trái phép vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão.

- Phá hoại cây chắn sóng bảo vệ đê, trừ trường hợp khai thác cây chắn sóng quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật đê điều năm 2006.

- Khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác; đào ao, giếng trong phạm vi bảo vệ đê điều và các hoạt động khác gây cản trở dòng chảy và thoát lũ.

- Sử dụng sai mục đích ngân sách đầu tư cho xây dựng, tu bổ, nâng cấp, kiên cố hóa và bảo vệ đê điều.

Câu hỏi 58: Trật tự công cộng là gì?

Trả lời:

Trật tự công cộng là trạng thái xã hội có trật tự, được hình thành và điều chỉnh bởi các quy tắc, quy phạm nhất định ở những nơi công cộng mà mọi người phải tuân theo. Trật tự công cộng là một mặt của trật tự, an toàn xã hội. Nội dung bao gồm những quy định chung về trật tự, vệ sinh, văn hoá; sự tuân thủ những quy định của pháp luật và phong tục, tập quán, sinh hoạt, tình trạng yên ổn có trật tự, tôn trọng lẫn nhau trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi, được mọi người thừa nhận và có trách nhiệm thực hiện.

Nơi công cộng là những địa điểm, khu vực phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh tế, văn hoá, vui chơi, giải trí, tín ngưỡng hoặc đi lại của nhân dân mà mọi người đều có quyền sử dụng và có trách nhiệm bảo vệ.

Trật tự công cộng chủ yếu hình thành ở địa bàn công cộng và tồn tại trên địa bàn dân cư, tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống và sinh hoạt hằng ngày của nhân dân.

Câu hỏi 59: Nội dung chủ yếu giữ gìn trật tự công cộng mà thôn, tổ dân phố phải thực hiện?

Trả lời:

Thực hiện tốt các quy tắc, quy ước về trật tự công cộng là trách nhiệm, nguyện vọng của quần chúng nhân dân nhằm bảo vệ an ninh trật tự,

nếp sống văn hoá, đạo đức công dân, xây dựng phong cách, lối sống văn minh, lành mạnh, trật tự, kỷ cương.

Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ đã quy định rõ nội dung, biện pháp thực hiện nhiệm vụ giữ gìn trật tự công cộng. Mọi công dân phải có nghĩa vụ thực hiện. Cần chú ý những nội dung, biện pháp cơ bản sau:

- Có trách nhiệm tham gia ngăn chặn các hành vi vi phạm quy tắc đảm bảo trật tự công cộng, lấn chiếm sử dụng lòng đường, vỉa hè. Ngăn chặn hành vi vi phạm khi say rượu, bia làm mất trật tự công cộng, tụ tập nhiều người ở nơi công cộng mà không được phép; tụ tập đông người để cổ vũ, kích động người đua xe trái phép; gây tiếng động lớn, làm ồn ào huyên náo trong khoảng thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ sáng ngày hôm sau; thả rông trâu bò, ngựa, chó hoặc động vật khác trong thành phố, thị xã hoặc nơi công cộng; đánh nhau hoặc xúi giục người khác đánh nhau; báo thông tin giả đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền, gọi điện thoại đến số máy khẩn cấp để trêu đùa, chửi bới, đe dọa, quấy nhiễu v.v..

- Nhắc nhau giữ vệ sinh môi trường, không đổ rác, vứt xác súc vật chết ra đường phố, nơi công cộng, chỗ có vòi nước, giếng nước ăn, ao, đầm, hồ; tiểu, đại tiện ở đường phố, trên các lối đi chung. Không mặc quần áo lót nơi hội họp đông người,

các địa điểm văn hoá, tín ngưỡng; vẽ, viết, dán quảng cáo, tranh ảnh vào các biển hiệu, biển quảng cáo, panô, áp phích, cây, cột điện, tường nhà, hàng rào, trụ sở của cơ quan, trường học, bệnh viện.

Thôn, tổ dân phố phải nhắc các hộ thành viên nắm được những việc được làm và những việc không được làm theo quy định của pháp luật và quy ước của địa phương, cơ sở; phát huy tinh thần làm chủ, giúp đỡ người có trách nhiệm làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự công cộng và ngăn chặn các hành vi vi phạm.

Câu hỏi 60: Khi có vụ việc gây rối trật tự công cộng xảy ra trên địa bàn, thôn, tổ dân phố phải làm gì?

Trả lời:

Gây rối trật tự công cộng là những hành vi vi phạm các quy tắc, nội quy sinh hoạt nơi công cộng, ảnh hưởng đến nếp sống cộng đồng ở những nơi tập trung đông người như công viên, rạp hát, nhà ga, bến xe, chợ, khu du lịch, nơi tổ chức lễ hội v.v.. Các hành vi vi phạm gây rối trật tự công cộng như đánh, cãi chửi nhau, lấn chiếm lòng đường, vỉa hè, đua xe trái phép, làm mất vệ sinh môi trường, tập trung đông người gây tiếng động ồn ào huyên náo, v.v., làm xáo trộn nếp sống bình thường của nhân dân trong khu vực.

Khi có vụ việc gây rối trật tự công cộng xảy ra

trên địa bàn thì các thành viên tổ dân phố phải có trách nhiệm ngăn chặn đối tượng có hành vi vi phạm, báo ngay cho cảnh sát khu vực, công an viên, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và phối hợp vận động, thuyết phục, bắt giữ, xử lý đối tượng vi phạm. Không để vụ việc gây rối trật tự công cộng tiếp diễn, không để xảy ra hậu quả xấu về an ninh trật tự.

Câu hỏi 61: Việc phòng cháy, chữa cháy ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Để việc phòng cháy, chữa cháy ở khu dân cư đạt hiệu quả, các hộ gia đình cần thực hiện:

- Tuyên truyền, vận động các hộ gia đình thành viên trong tổ chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định về an toàn phòng cháy, chữa cháy. Thường xuyên nhắc nhở nhau kiểm tra việc sử dụng điện, ga, các đồ vật dễ cháy trong sinh hoạt; đèn, hương, nến nơi thờ cúng; mỗi gia đình, tùy điều kiện và khả năng cần có một số dụng cụ như câu liêm, thang, bình bọt, v.v. để chủ động tham gia chữa cháy.

- Khi xảy ra vụ cháy, phải báo động và gọi khẩn cấp đến số điện thoại 114, tổ chức và huy động quần chúng chữa cháy, phối hợp giúp đỡ công an cơ sở và lực lượng cảnh sát chữa cháy; tham gia cứu người, cứu tài sản; phát hiện bắt giữ kẻ gian lợi dụng vụ cháy để trộm cắp, hoặc chiếm đoạt tài sản.

- Cung cấp thông tin mà mình biết được cho cơ quan điều tra làm rõ nguyên nhân vụ cháy để giải quyết, xử lý.

Câu hỏi 62: Những loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ nào phải quản lý theo quy định của Nhà nước?

Trả lời:

Điều 3 Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2011 quy định những loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ phải quản lý theo quy định của Nhà nước bao gồm:

+ Vũ khí gồm vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao và các loại vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự.

- Vũ khí quân dụng gồm:

+ Súng cầm tay hạng nhỏ là vũ khí được thiết kế cho cá nhân sử dụng gồm súng ngắn, súng trường, súng tiểu liên, súng trung liên và các loại súng khác có tính năng, tác dụng tương tự;

+ Vũ khí hạng nhẹ gồm súng đại liên, súng cối dưới 100 milimét (mm), súng ĐKZ, súng máy phòng không dưới 23 milimét (mm), súng phóng lựu, tên lửa chống tăng cá nhân, tên lửa phòng không vác vai, các loại vũ khí hạng nhẹ khác có tính năng, tác dụng tương tự;

+ Các loại bom, mìn, lựu đạn, đạn, ngư lôi, thủy lôi, hỏa cụ;

+ Vũ khí không thuộc danh mục vũ khí do

Chính phủ ban hành nhưng có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng.

- Súng săn là súng dùng để săn bắn gồm súng kíp, súng hơi, các loại súng khác có tính năng, tác dụng tương tự.

- Vũ khí thô sơ gồm các loại dao găm, kiếm, giáo, mác, lưỡi lê, đao, mã tấu, quả đấm, quả chùy, cung, nỏ.

- Vũ khí thể thao là súng và các loại vũ khí thô sơ dùng để luyện tập, thi đấu thể thao.

- Vật liệu nổ gồm thuốc nổ và các phụ kiện nổ.

- Vật liệu nổ quân dụng là vật liệu nổ sử dụng cho mục đích quốc phòng, an ninh.

- Vật liệu nổ công nghiệp là vật liệu nổ sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, kinh tế, dân sinh.

- Công cụ hỗ trợ gồm:

- + Các loại súng dùng để bắn đạn nhựa, đạn cao su, hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, từ trường, lade, pháo hiệu và các loại đạn sử dụng cho các loại súng này;

- + Các loại phương tiện xịt hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, chất gây ngứa;

- + Các loại lựu đạn khói, lựu đạn cay, quả nổ;

- + Các loại dùi cui điện, dùi cui cao su, dùi cui kim loại, khóa số tám, bàn chông, dây đinh gai, áo giáp, găng tay điện, găng tay bắt dao, lá chắn, mũ chống đạn;

- + Động vật nghiệp vụ.

Câu hỏi 63: Trách nhiệm của công dân thực hiện quy định của pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ như thế nào?

Trả lời:

Vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ là loại vật tư đặc biệt, do Nhà nước thống nhất quản lý để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các mục đích khác.

Tổ trưởng Tổ liên gia tự quản có trách nhiệm tuyên truyền, nhắc nhở các hộ gia đình thành viên không mua bán, sửa chữa, sử dụng, tàng trữ, vận chuyển các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, kể cả các loại vũ khí tự tạo, vũ khí thô sơ theo danh mục bị cấm. Vận động nhân dân phát hiện, tố giác hành vi tàng trữ, sản xuất, sửa chữa, vận chuyển, mua bán, sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Công dân thu nhặt được vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ (kể cả các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ lẫn trong phế thải khi thu gom để kinh doanh buôn bán phế liệu) đều phải giao nộp cho cơ quan công an hoặc cơ quan quân sự địa phương để phân loại và tiêu hủy.

Tổ chức, cá nhân không thuộc diện được trang bị, sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, mà đang có thì không kể nguồn gốc nào đều phải kê khai và nộp cho cơ quan công an hoặc cơ quan quân sự các cấp.

Câu hỏi 64: Những người có hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép các loại pháo nổ và thuốc pháo bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Chỉ thị số 406/TTg ngày 08-8-1994 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 25-12-2008 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Nghị định số 73/2010/NĐ-CP thì tất cả các hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép các loại pháo và thuốc pháo sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 65: Đồ chơi nguy hiểm bị cấm như thế nào?

Trả lời:

Quyết định số 464-QĐ/BNV ngày 27-12-1993 của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) quy định danh mục các loại đồ chơi nguy hiểm bị cấm gồm:

- Các loại đồ chơi có hình dáng giống như các loại súng trường, súng tiểu liên, súng ngắn.

- Súng nén hơi, nén lò xo bắn các loại đạn nhựa hoặc đạn các loại.

- Súng bắn phun nước, bắn phát quang hoặc bắn gây nổ.

- Các loại bật lửa có hình dáng giống quả lựu đạn hoặc có hình dạng súng ngắn.

- Các loại kiếm, mác, lưỡi lê, dao găm; cung, nỏ làm bằng gỗ, tre, nhựa, giấy nến.

Vì vậy, thôn, tổ dân phố phải tuyên truyền, nhắc nhở nhau không mua bán, vận chuyển, sử dụng những loại đồ chơi nguy hiểm bị cấm nêu trên, nhất là mua sắm những đồ chơi trên cho trẻ em, hoặc trẻ em có những đồ chơi đó.

Câu hỏi 66: Những ngành, nghề kinh doanh nào được quy định là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự?

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định số 72/2009/NĐ-CP ngày 03-9-2009 của Chính phủ thì ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự gồm:

- Sản xuất con dấu;
- Sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat amôn hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên);
- Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa công cụ hỗ trợ, sửa chữa súng săn; sản xuất pháo hoa;
- Cho thuê lưu trú; cho tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng;
- Hoạt động in;
- Dịch vụ cầm đồ;
- Kinh doanh karaoke; vũ trường; xoa bóp (massage, tẩm quất);
- Trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài; kinh doanh casino;
- Dịch vụ đòi nợ.

PHẦN VI
MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ CƯ TRÚ

Câu hỏi 67: Quyền tự do cư trú của công dân được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 9 Luật cư trú năm 2006 quy định quyền tự do cư trú của công dân như sau:

- Lựa chọn, quyết định nơi thường trú, tạm trú của mình phù hợp với quy định của Luật cư trú năm 2006 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Được cấp, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú và các giấy tờ khác liên quan đến cư trú.

- Được cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc thực hiện cư trú.

- Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện biện pháp bảo vệ quyền cư trú của mình.

- Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với hành vi vi phạm pháp luật về cư trú theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 68: Khi thực hiện quyền tự do cư trú, công dân phải có trách nhiệm gì?

Trả lời:

Điều 11 Luật cư trú năm 2006 quy định trách nhiệm của công dân về cư trú như sau:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về cư trú.

- Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu về cư trú của mình cho cơ quan, người có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

- Nộp lệ phí đăng ký cư trú.

- Xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú khi cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu.

- Báo ngay với cơ quan đã đăng ký cư trú khi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú bị mất hoặc bị hư hỏng.

Câu hỏi 69: Trong những trường hợp nào công dân bị hạn chế quyền tự do cư trú?

Trả lời:

Điều 10 Luật cư trú năm 2006 quy định công dân bị hạn chế quyền tự do cư trú trong những trường hợp sau:

- Người bị cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Người bị Tòa án áp dụng hình phạt cấm cư trú; người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết

định thi hành án, được hưởng án treo hoặc đang được hoãn, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù; người đang bị quản chế.

- Người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ thi hành.

Câu hỏi 70: Khái niệm về nơi cư trú của công dân? Những nơi nào được coi là chỗ ở hợp pháp của công dân?

Trả lời:

Nơi cư trú của công dân là chỗ ở hợp pháp mà người đó thường xuyên sinh sống. Nơi cư trú của công dân là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú.

- Nơi thường trú là nơi công dân sinh sống thường xuyên ổn định, không có thời hạn tại một chỗ ở nhất định và được đăng ký thường trú.

- Nơi tạm trú là nơi công dân sinh sống ngoài nơi đăng ký thường trú và đã đăng ký tạm trú.

Trường hợp không xác định được nơi cư trú của công dân theo quy định nói trên thì nơi cư trú của công dân là nơi người đó đang sinh sống và có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn.

- Chỗ ở hợp pháp của công dân là nhà ở, phương tiện hoặc nhà ở khác mà công dân sử dụng để cư trú. Chỗ ở hợp pháp có thể thuộc quyền sở hữu của công dân hoặc được cơ quan, tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 71: Đăng ký thường trú là gì? Để được đăng ký thường trú tại tỉnh cần những điều kiện gì?

Trả lời:

- Điều 18 Luật cư trú năm 2006 quy định như sau:

Đăng ký thường trú là việc công dân đăng ký nơi thường trú của mình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cơ quan này làm thủ tục đăng ký thường trú, cấp sổ hộ khẩu cho họ.

- Điều 19 Luật cư trú năm 2006 quy định điều kiện đăng ký thường trú tại tỉnh như sau:

Công dân có chỗ ở hợp pháp ở tỉnh nào thì được đăng ký thường trú tại tỉnh đó. Trường hợp chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ của cá nhân thì phải được người cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ đồng ý bằng văn bản.

Câu hỏi 72: Hồ sơ đăng ký thường trú gồm những giấy tờ gì?

Trả lời:

Hồ sơ đăng ký thường trú gồm những giấy tờ sau:

- Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu.
- Bản khai nhân khẩu.
- Giấy chuyển hộ khẩu (đối với trường hợp phải cấp giấy chuyển hộ khẩu).
- Giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 56/2010/NĐ-CP ngày 24-5-2010 của Chính phủ

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 107/2007/NĐ-CP ngày 25-6-2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật cư trú (say đây gọi tắt là Nghị định số 56/2010/NĐ-CP) (trừ trường hợp được người có sổ hộ khẩu đồng ý cho nhập vào sổ hộ khẩu của mình).

Đối với trường hợp chỗ ở hợp pháp là nhà ở do thuê, mượn, ở nhờ của cá nhân hoặc người có sổ hộ khẩu đồng ý cho nhập vào sổ hộ khẩu của mình thì người cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ nhà ở của mình hoặc người có sổ hộ khẩu phải ghi rõ ý kiến đồng ý cho đăng ký thường trú vào phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu, ký, ghi rõ họ, tên, ngày, tháng, năm.

Đối với trường hợp có quan hệ gia đình là ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh chị em ruột, cháu ruột chuyển đến ở với nhau thì không phải xuất trình giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp, nhưng phải xuất trình giấy tờ chứng minh mối quan hệ nêu trên để làm căn cứ ghi vào sổ hộ khẩu.

Câu hỏi 73: Thời hạn đăng ký thường trú được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 6 Nghị định số 107/2007/NĐ-CP ngày 25-6-2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật cư trú

(sau đây gọi tắt là Nghị định số 107/2007/NĐ-CP) quy định thời hạn đăng ký thường trú như sau:

- Trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày chuyển đến chỗ ở hợp pháp mới, người thay đổi chỗ ở hợp pháp hoặc đại diện hộ gia đình có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký thường trú tại chỗ ở mới.

- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có ý kiến đồng ý của người có sổ hộ khẩu, người được người có sổ hộ khẩu đồng ý cho nhập vào sổ hộ khẩu của mình hoặc đại diện hộ gia đình có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký thường trú.

- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày trẻ em được đăng ký khai sinh, cha, mẹ hoặc đại diện hộ gia đình, người nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký thường trú cho trẻ em đó.

Câu hỏi 74: Những trường hợp nào thì được tách sổ hộ khẩu?

Trả lời:

Những trường hợp có cùng một chỗ ở hợp pháp được tách sổ hộ khẩu, bao gồm:

- Người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có nhu cầu tách sổ hộ khẩu.

- Những người đã được nhập vào sổ hộ khẩu theo quy định của Luật cư trú, có nhu cầu tách sổ hộ khẩu mà được chủ hộ đồng ý cho tách hộ khẩu bằng văn bản.

- Khi tách sổ hộ khẩu, người đến làm thủ tục phải xuất trình sổ hộ khẩu; phiếu báo thay đổi hộ

khẩu, nhân khẩu, ý kiến đồng ý bằng văn bản của chủ hộ.

Câu hỏi 75: Khi đổi, cấp lại sổ hộ khẩu, công dân phải làm những thủ tục gì?

Trả lời:

Khoản 2, 3, 6 Điều 10 Thông tư số 52/2010/TT-BCA ngày 30-11-2010 của Bộ Công an quy định việc đổi, cấp lại sổ hộ khẩu như sau:

- Trường hợp sổ hộ khẩu bị hư hỏng thì được đổi, bị mất thì được cấp lại. Sổ hộ khẩu được đổi, cấp lại có số, nội dung như sổ hộ khẩu đã cấp.

Hồ sơ đổi, cấp lại sổ hộ khẩu bao gồm:

+ Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu. Trường hợp cấp lại sổ hộ khẩu phải có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn nơi đăng ký thường trú vào phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu;

+ Sổ hộ khẩu (đối với trường hợp đổi sổ hộ khẩu do bị hư hỏng) hoặc sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể (đối với trường hợp đổi từ mẫu sổ cũ sang mẫu sổ mới).

- Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền đăng ký thường trú phải đổi, cấp lại sổ hộ khẩu.

- Trưởng công an huyện, quận, thị xã thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, công an thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Trưởng công an xã, thị trấn của huyện thuộc tỉnh là người có thẩm quyền ký sổ hộ khẩu.

Câu hỏi 76: Muốn xác nhận thường trú, công dân phải trình báo ở đâu, phải có thủ tục giấy tờ gì?

Trả lời:

Muốn xác nhận thường trú thì công dân đến cơ quan có thẩm quyền đã đăng ký thường trú (công an xã, thị trấn ở địa bàn huyện, hoặc công an thành phố, thị xã ở địa bàn thành phố, thị xã) để được xác nhận.

Thủ tục đề nghị gồm:

- Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu.
- Giấy tờ, tài liệu chứng minh công dân trước đây có hộ khẩu thường trú (nếu có).

Câu hỏi 77: Việc bảo quản, sử dụng sổ hộ khẩu như thế nào?

Trả lời:

Sổ hộ khẩu là một loại giấy tờ quan trọng, có giá trị xác định nơi thường trú của công dân, do cơ quan có thẩm quyền đăng ký thường trú cấp cho cá nhân, hộ gia đình đã đăng ký thường trú.

Người trong hộ gia đình, cá nhân được cấp sổ hộ khẩu có trách nhiệm bảo quản, sử dụng sổ hộ khẩu đúng quy định. Phải xuất trình sổ hộ khẩu khi cán bộ công an có thẩm quyền kiểm tra. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa, thế chấp, cho mượn, cho thuê sổ hộ khẩu vào mục đích trái pháp luật.

Trường hợp mất sổ hộ khẩu phải trình báo ngay với cơ quan công an nơi đăng ký thường trú.

Câu hỏi 78: Đăng ký tạm trú là gì? Những người nào phải đăng ký tạm trú?

Trả lời:

Đăng ký tạm trú là việc công dân đăng ký nơi tạm trú của mình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cơ quan này làm thủ tục đăng ký tạm trú, cấp sổ tạm trú cho họ.

Người đang sinh sống, làm việc, lao động, học tập tại một địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn nhưng không thuộc trường hợp được đăng ký thường trú tại địa phương đó thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đến, phải đăng ký tạm trú tại công an xã, phường, thị trấn.

Câu hỏi 79: Thủ tục để được đăng ký tạm trú cần có giấy tờ gì?

Trả lời:

Giấy tờ thủ tục đăng ký tạm trú gồm có:

- Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu, bản khai nhân khẩu.

- Giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 56/2010/NĐ-CP (trừ trường hợp được chủ hộ có sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú đồng ý cho đăng ký tạm trú thì không cần xuất trình giấy tờ về chỗ ở). Đối với trường hợp thuê, mượn, ở nhờ chỗ ở hợp pháp thì đăng ký tạm trú phải có ý kiến đồng ý cho đăng ký tạm trú của người cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ vào phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu; ký, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm.

- Xuất trình chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn nơi người đó đăng ký thường trú.

- Người tạm trú được chủ hộ đồng ý cho nhập vào sổ tạm trú hoặc chủ hộ đồng ý cho đăng ký tạm trú tại nơi thường trú của chủ hộ thì việc đồng ý phải được ghi vào phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu; ký, ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm.

- Người đăng ký tạm trú nộp hồ sơ đăng ký tạm trú tại công an xã, phường, thị trấn.

Câu hỏi 80: Lưu trú là gì? Hộ gia đình có người đến lưu trú thực hiện thông báo lưu trú như thế nào?

Trả lời:

Điều 21 Thông tư số 52/2010/TT-BCA ngày 30-11-2010 quy định lưu trú và thông báo lưu trú như sau:

- Lưu trú là việc công dân ở lại trong một thời gian nhất định tại địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn ngoài nơi cư trú của mình và không thuộc trường hợp phải đăng ký tạm trú.

- Gia đình, nhà ở tập thể, cơ sở chữa bệnh, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở khác khi có người từ đủ 14 tuổi trở lên đến lưu trú có trách nhiệm thông báo lưu trú với công an xã, phường, thị trấn.

- Người đến lưu trú có trách nhiệm xuất trình với người có trách nhiệm tiếp nhận thông báo lưu trú một trong các loại giấy tờ sau: chứng minh

nhân dân, hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng, giấy tờ tùy thân có ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp, giấy tờ do cơ quan cử đi công tác, xác nhận của uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú, giấy tờ khác chứng minh cá nhân.

- Việc thông báo lưu trú được thực hiện trực tiếp, điện thoại hoặc qua mạng máy tính. Thời gian lưu trú tùy thuộc nhu cầu của công dân. Người tiếp nhận thông báo lưu trú phải ghi vào sổ tiếp nhận lưu trú và không cấp giấy tờ chứng nhận lưu trú cho công dân.

- Nơi tiếp nhận thông báo lưu trú là trụ sở công an xã, phường, thị trấn. Căn cứ vào điều kiện thực tế, các địa phương quyết định thêm các nơi khác để tiếp nhận thông báo lưu trú và hằng ngày trước 22h phải thông tin, báo cáo số liệu kịp thời về công an xã, phường, thị trấn.

Câu hỏi 81: Những trường hợp nào phải khai báo tạm vắng?

Trả lời:

Khoản 1, 2, 3 Điều 32 Luật cư trú năm 2006 quy định các trường hợp phải khai báo tạm vắng như sau:

1. Bị can, bị cáo đang tại ngoại; người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết định thi hành án hoặc được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; người bị kết án tù được hưởng án treo; người bị phạt cải tạo không giam giữ, người đang bị quản chế; người đang chấp hành biện pháp giáo

dục tại xã, phường, thị trấn; người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ thi hành khi đi khỏi nơi cư trú từ một ngày trở lên có trách nhiệm khai báo tạm vắng.

2. Người trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự, dự bị động viên đi khỏi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi cư trú của mình từ ba tháng trở lên thì phải có trách nhiệm khai báo tạm vắng.

3. Người quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 32 Luật cư trú năm 2006 phải khai báo tạm vắng tại công an xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú. Khi đến khai báo tạm vắng phải xuất trình chứng minh nhân dân và ghi vào phiếu khai báo tạm vắng.

Câu hỏi 82: Công dân, hộ gia đình muốn phản ánh và đề nghị các vấn đề về cư trú thì làm như thế nào?

Trả lời:

Khi công dân, hộ gia đình muốn phản ánh và đề nghị các vấn đề về cư trú với cơ quan đăng ký quản lý cư trú có thể thông qua các hình thức phản ánh trực tiếp qua điện thoại, gửi thư đến hòm thư góp ý, qua các phương tiện thông tin điện tử hoặc các hình thức khác đến cơ quan đăng ký, quản lý cư trú; cần nói rõ họ, tên, địa chỉ để được giải đáp, trả lời.

Câu hỏi 83: Người từ độ tuổi nào thì được cấp chứng minh nhân dân? Chứng minh nhân dân có giá trị sử dụng trong thời gian bao nhiêu năm?

Trả lời:

Điều 3 Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03-02-1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 05/1999/NĐ-CP) quy định độ tuổi được cấp chứng minh nhân dân:

Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam có nghĩa vụ đến cơ quan công an nơi đăng ký hộ khẩu thường trú làm thủ tục cấp chứng minh nhân dân; mỗi công dân chỉ được cấp một chứng minh nhân dân và có số chứng minh nhân dân cố định.

Điều 2 Nghị định số 170/2007/NĐ-CP ngày 19-11-2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03-02-1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 170/2007/NĐ-CP) quy định:

Chứng minh nhân dân có giá trị sử dụng 15 năm, kể từ ngày cấp.

Câu hỏi 84: Những người nào tạm thời chưa được cấp chứng minh nhân dân?

Trả lời:

Điều 4 Nghị định số 05/1999/NĐ-CP quy định những người tạm thời chưa được cấp chứng minh nhân dân gồm:

- Những người đang bị tạm giam, đang thi hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh.

- Những người đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng điều khiển hành vi của mình.

Các trường hợp trên, sau khi chấp hành xong án phạt tù hoặc hết thời hạn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, hoặc đã được chữa khỏi bệnh thì được cấp chứng minh nhân dân.

Câu hỏi 85: Những người nào bị thu hồi, tạm giữ chứng minh nhân dân?

Trả lời:

Chứng minh nhân dân của công dân bị thu hồi trong các trường hợp sau:

- Bị tước hoặc thôi quốc tịch Việt Nam.
- Ra nước ngoài định cư.

Chứng minh nhân dân của công dân bị tạm giữ trong các trường hợp sau:

- Có hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật phải bị tạm giữ chứng minh nhân dân.

- Bị tạm giam, thi hành án phạt tù tại trại giam; chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh.

Công dân được nhận lại chứng minh nhân dân khi chấp hành xong quyết định xử lý vi phạm

hành chính, hết thời hạn tạm giam, chấp hành xong án phạt tù; chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh.

Câu hỏi 86: Những người nào phải làm thủ tục đổi, cấp lại chứng minh nhân dân?

Trả lời:

Điều 5 Nghị định số 05/1999/NĐ-CP quy định những trường hợp sau phải làm thủ tục đổi chứng minh nhân dân:

- Chứng minh nhân dân hết thời hạn sử dụng;
- Chứng minh nhân dân hư hỏng không sử dụng được;
- Thay đổi họ, tên, chữ đệm, ngày, tháng, năm sinh;
- Thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thay đổi đặc điểm nhận dạng.

Trường hợp bị mất chứng minh nhân dân thì phải làm thủ tục cấp lại.

Câu hỏi 87: Quyền và trách nhiệm của công dân trong thực hiện quy định về chứng minh nhân dân?

Trả lời:

Công dân được sử dụng chứng minh nhân dân của mình làm giấy tờ tùy thân khi đi lại và thực hiện các giao dịch. Mọi công dân phải có trách

nhiệm mang theo chứng minh nhân dân và xuất trình khi người có thẩm quyền yêu cầu kiểm tra, kiểm soát.

Công dân Việt Nam từ 14 tuổi trở lên có nghĩa vụ đến cơ quan công an nơi đăng ký hộ khẩu thường trú làm thủ tục đề nghị cấp chứng minh nhân dân (quy định tại Nghị định số 05/1999/NĐ-CP và Nghị định số 170/2007/NĐ-CP).

Công dân có trách nhiệm đến công an tỉnh để đổi lại, hoặc cấp lại chứng minh nhân dân; đến công an phường, xã trình báo trong trường hợp bị thu hồi chứng minh nhân dân.

Những trường hợp mất chứng minh nhân dân đã được cấp lại chứng minh nhân dân khác, nếu tìm thấy chứng minh nhân dân đã mất thì phải nộp lại cho cơ quan công an nơi làm thủ tục cấp lại; người nào nhặt được chứng minh nhân dân của người khác phải nộp cho cơ quan công an.

Nghiêm cấm người sử dụng hai hoặc nhiều chứng minh nhân dân.

Câu hỏi 88: Thủ tục để được cấp chứng minh nhân dân như thế nào?

Trả lời:

Thủ tục cấp chứng minh nhân dân gồm:

- Đơn trình bày rõ lý do cấp mới, đổi, cấp lại chứng minh nhân dân, có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, có ảnh cỡ 3 x 4 cm dán vào đơn và đóng dấu giáp lai.

- Xuất trình sổ hộ khẩu thường trú (nộp lại bản sao).

- Đối với các trường hợp thay đổi họ, tên chữ đệm, ngày, tháng, năm sinh trong chứng minh nhân dân phải xuất trình quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho phép thay đổi các nội dung trên (xuất trình bản chính, nộp lại bản sao có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền).

- Đối với trường hợp đính chính họ, tên, chữ đệm, ngày, tháng, năm sinh trong chứng minh nhân dân phải xuất trình giấy khai sinh bản chính (nộp lại bản sao có công chứng).

- Chụp ảnh để làm chứng minh nhân dân (do công an nơi cấp chứng minh nhân dân thực hiện hoặc hướng dẫn).

- Kê khai tờ khai cấp chứng minh nhân dân theo mẫu.

- In vân tay vào tờ khai, danh chỉ bản và chứng minh nhân dân.

Câu hỏi 89: Khi cơ quan chức năng kiểm tra hộ khẩu, kiểm tra chứng minh nhân dân thì công dân phải thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Khi cơ quan chức năng kiểm tra sổ hộ khẩu, kiểm tra chứng minh nhân dân thì công dân phải có nghĩa vụ chấp hành, xuất trình sổ hộ khẩu, xuất trình chứng minh nhân dân để cơ quan chức năng kiểm tra.

PHẦN VII

PHÁT HUY DÂN CHỦ, GẮN CÔNG TÁC GIỮ GÌN AN NINH TRẬT TỰ VỚI XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ

Câu hỏi 90: Giải quyết mâu thuẫn nội bộ nhân dân ở thôn, tổ dân phố như thế nào?

Trả lời:

Trong cuộc sống hằng ngày ở cộng đồng dân cư có thể xảy ra những mâu thuẫn từ các mối quan hệ, cư xử trong sinh hoạt, lợi ích trong làm ăn, quyền, nghĩa vụ sở hữu tài sản, thừa kế, tặng, cho; thực hiện chế độ chính sách, v.v.. Mâu thuẫn nội bộ nhân dân có thể phát sinh giữa cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh em, mâu thuẫn hàng xóm láng giềng, mâu thuẫn giữa công dân với cán bộ chính quyền cơ sở, với người thừa hành công vụ, v.v.. Mâu thuẫn trong nhân dân gây hậu quả làm mất đoàn kết, nghi kỵ nhau, thậm chí dẫn đến các hành vi trả thù, đánh, cãi, chửi nhau, đơn từ khiếu nại, tố cáo, v.v. nếu không được phát hiện giải quyết kịp thời.

Để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần giữ vững an ninh trật tự, các thôn, tổ dân phố cần chú ý:

- Trưởng thôn, phó trưởng thôn, tổ trưởng, tổ phó và các hộ gia đình thành viên trong tổ thường xuyên quan tâm lẫn nhau, phát hiện kịp thời và tìm hiểu nguyên nhân những mâu thuẫn đã và đang nảy sinh ở tổ. Phối hợp với tổ hoà giải cơ sở để tham gia, giải quyết mâu thuẫn nhân dân ngay tại khu dân cư với phương châm “Các bên tự giải quyết là chính”, “Mâu thuẫn to biến thành nhỏ, nhỏ biến thành không”, giải quyết mâu thuẫn trong nhân dân phải dựa trên cơ sở pháp luật, trọng tình làng nghĩa xóm, giải quyết có lý, có tình và cần phản ánh với chính quyền.

- Vận động người cao tuổi, trưởng họ tộc, những người có khả năng và uy tín trong cộng đồng để tham gia giải quyết, khuyên nhủ, dàn hoà.

Nếu vụ việc mâu thuẫn có tính chất phức tạp, ngoài khả năng và điều kiện giải quyết tại thôn, tổ dân phố thì trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố báo cho tư pháp và uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn giải quyết. Không để mâu thuẫn âm ỉ, kéo dài, phát sinh hậu quả xấu.

Câu hỏi 91: Những nội dung chính quyền xã, phường, thị trấn công khai để nhân dân biết?

Trả lời:

Điều 5 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007¹ quy định:

1. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20-4-2007 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Chính quyền xã, phường, thị trấn công khai để nhân dân biết những nội dung sau đây:

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm của cấp xã.

- Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.

- Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

- Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

- Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm chủ tịch và phó chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch và phó chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã.

- Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

- Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

- Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

- Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Câu hỏi 92: Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp những nội dung gì?

Trả lời:

Điều 10 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định:

Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp gồm: bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

Câu hỏi 93: Nhân dân bàn, biểu quyết những nội dung gì?

Trả lời:

Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định công dân ở địa bàn dân cư được bàn, biểu quyết những nội dung sau:

- Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; bầu, bãi nhiệm thành viên ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng (Điều 13).

- Việc biểu quyết nội dung hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố nếu có trên 50% tổng số cử tri, hoặc cử tri đại diện gia đình tán thành thì có giá trị thi hành sau khi uỷ ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công nhận (Khoản 1, Điều 15).

- Việc biểu quyết nội dung bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng dân phố, nếu có trên 50% tổng số cử tri, hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì có giá trị thi hành sau khi uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận (Khoản 2, Điều 15).

- Việc biểu quyết nội dung bầu, bãi nhiệm thành viên ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng, nếu có trên 50% tổng số cử tri, hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì có giá trị thi hành sau khi được Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã công nhận (Khoản 3, Điều 15).

Câu hỏi 94: Công dân ở địa bàn dân cư được giám sát những nội dung gì?

Trả lời:

Điều 23 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định nhân dân giám sát những nội dung sau:

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm của cấp xã.

- Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.

- Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

- Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

- Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm chủ tịch và phó chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch và phó chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã.

- Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

- Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

- Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

- Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

- Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

- Thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

- Bầu, bãi nhiệm thành viên ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã.

- Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã.

- Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư.

- Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.

- Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã khi thấy cần thiết.

Câu hỏi 95: Trách nhiệm của thôn, tổ dân phố trong việc thực hiện chủ trương, quy hoạch, phương án đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư để phát triển công nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội?

Trả lời:

- Thôn, tổ dân phố và các hộ gia đình thành viên nắm tình hình và phản ánh với cơ quan chức

năng những vướng mắc, bức xúc, tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân để tham gia ý kiến với chính quyền địa phương về chủ trương, quy hoạch, phương án đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư để phát triển công nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, cơ sở.

- Tuyên truyền vận động các hộ gia đình thành viên trong thôn, tổ dân phố chấp hành và thực hiện quy hoạch, phương án đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy hoạch, kế hoạch thực hiện của địa phương, cơ sở.

- Tham gia giám sát và góp ý kiến với chính quyền địa phương cơ sở, cơ quan chức năng, nhà đầu tư thực hiện đúng chủ trương, quy hoạch, phương án đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư. Phát hiện, tố giác những cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm chính sách pháp luật; tuyên truyền, vận động, ngăn chặn, giáo dục những công dân lạc hậu, lợi dụng dân chủ có hành vi chây ỳ, chống người thi hành công vụ, tố cáo sai sự thật, liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, phương án đền bù, tái định cư gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, cơ sở.

Câu hỏi 96: Thực hiện việc khiếu nại, tố cáo như thế nào cho đúng quy định của pháp luật?

Trả lời:

Việc khiếu nại, tố cáo phải thực hiện theo đúng

Luật khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo.

Người đến khiếu nại, tố cáo tại nơi tiếp công dân có các quyền và nghĩa vụ:

- Xuất trình giấy tờ tùy thân, tuân thủ nội quy nơi tiếp công dân và thực hiện theo sự hướng dẫn của người tiếp công dân.

- Được hướng dẫn, giải thích về việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

- Trình bày trung thực sự việc, cung cấp tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo của mình và ký xác nhận những nội dung đã trình bày.

- Cử đại diện để trình bày với người tiếp công dân trong trường hợp có nhiều người khiếu nại, tố cáo về cùng một nội dung.

- Được khiếu nại, tố cáo về những hành vi sai trái, cản trở, gây phiền hà sách nhiễu của người tiếp công dân.

Người khiếu nại lần đầu phải khiếu nại với người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có cán bộ, công chức có hành vi hành chính mà người khiếu nại có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Việc khiếu nại được thực hiện bằng đơn, khiếu nại trực tiếp hoặc khiếu nại thông qua người đại diện.

- Khiếu nại được thực hiện bằng đơn thì trong đơn khiếu nại phải ghi rõ ngày, tháng, năm khiếu nại; tên, địa chỉ của người khiếu nại; tên, địa chỉ

của cơ quan, tổ chức cá nhân bị khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại và yêu cầu của người khiếu nại. Đơn khiếu nại phải do người khiếu nại ký tên.

- Khiếu nại trực tiếp thì cán bộ có trách nhiệm hướng dẫn người khiếu nại viết thành đơn hoặc ghi lại nội dung theo quy định như trên.

- Khiếu nại thông qua người đại diện thì người đại diện phải có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của việc đại diện.

Đối với việc tố cáo, người tố cáo phải gửi đơn đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Trong đơn tố cáo phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ người tố cáo; nội dung tố cáo, chữ ký của người tố cáo.

Câu hỏi 97: Những trường hợp nào đơn khiếu nại, tố cáo không được xem xét giải quyết?

Trả lời:

Đơn khiếu nại thuộc một trong các trường hợp sau đây không được thụ lý để giải quyết:

1. Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại;

2. Người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp;

3. Người đại diện không hợp pháp;

4. Thời hiệu khiếu nại, thời hạn khiếu nại tiếp đã hết;

5. Việc khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;

6. Việc khiếu nại đã được Toà án thụ lý để giải quyết hoặc đã có bản án, quyết định của Toà án.

Tổ cáo không được xem xét, giải quyết:

- Đơn tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ, không có chữ ký trực tiếp mà sao chụp chữ ký.

- Đơn tố cáo đã được cấp có thẩm quyền xem xét, kết luận nay tố cáo lại nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Câu hỏi 98: Nội dung cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”?

Trả lời:

Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*” là cuộc vận động trong thời kỳ đổi mới đất nước, đổi mới công tác Mặt trận, được hình thành trên cơ sở kế thừa, phát huy, quy tụ, mở rộng, và nâng cao các phong trào, các cuộc vận động được tiến hành ở khu dân cư, dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, sự phối hợp của các cấp chính quyền, do Mặt trận Tổ quốc chủ trì, phối hợp thống nhất hành động.

Nội dung trọng tâm của cuộc vận động là:

- Giúp nhau phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, tăng hộ giàu hợp pháp.

- Phát huy truyền thống uống nước nhớ nguồn, tương thân tương ái, có nhiều hoạt động đền ơn,

đáp nghĩa, giúp đỡ gia đình chính sách, người khó khăn, tàn tật.

- Phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương, chấp hành pháp luật, quy ước, hương ước, thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo khu dân cư không có tội phạm, tệ nạn xã hội, hoà giải mâu thuẫn, cảm hoá giúp đỡ người lầm lỗi, tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Xây dựng đời sống văn hoá, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và thuần phong mỹ tục của nhân dân, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, thực hiện nếp sống văn minh, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chăm lo sự nghiệp giáo dục, chăm lo sức khoẻ ban đầu, phát triển thể dục thể thao; thực hiện chương trình dân số, kế hoạch hoá gia đình.

- Xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân trong khu dân cư, tạo điều kiện để nhân dân phát huy dân chủ, xây dựng, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu nhân dân, công chức, cán bộ, đảng viên; xây dựng đảng, chính quyền, các đoàn thể và ban công tác mật trận ở khu dân cư vững mạnh.

Câu hỏi 99: Vì sao phải kết hợp chặt chẽ công tác giữ gìn an ninh trật tự với công tác xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư?

Trả lời:

Công tác giữ gìn an ninh trật tự phải được gắn

bó, kết hợp chặt chẽ với công tác xây dựng gia đình văn hoá, khu dân cư văn hoá vì:

- An ninh trật tự, an toàn xã hội được giữ vững sẽ bảo đảm sự bình yên cho mọi người, tạo môi trường lành mạnh và điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

- Kinh tế phát triển, đời sống văn hoá được nâng cao sẽ tác động đến ý thức chấp hành pháp luật, góp phần thu hẹp nguyên nhân, điều kiện nảy sinh tội phạm. Vì vậy, phải đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển một cách thiết thực, hiệu quả và được gắn bó thường xuyên với nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, xây dựng gia đình văn hoá lành mạnh, để có trật tự kỷ cương xã hội, lấy kết quả thực hiện tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự là một tiêu chí quan trọng để phân loại, công nhận danh hiệu khu dân cư văn hoá, gia đình văn hoá trong quá trình thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*”.

Câu hỏi 100: Cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang cư trú tại địa bàn dân cư phải tham gia hoạt động của thôn, tổ dân phố như thế nào?

Trả lời:

Ở bất kỳ cương vị nào, cán bộ, đảng viên, công chức, lực lượng vũ trang phải thực hiện nghĩa vụ,

trách nhiệm công dân của mình ở nơi cư trú, gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của chính quyền địa phương, cơ sở; phải là hạt nhân đoàn kết toàn dân, vận động nhân dân và gia đình mình tích cực, tự giác tham gia tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố như tuyên truyền giáo dục nhân dân thực hiện chính sách pháp luật, phát hiện, tham gia giải quyết mâu thuẫn nội bộ nhân dân, tuần tra nhân dân, giữ gìn trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng; phát hiện, tố giác tội phạm, bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang; giáo dục, cảm hoá những người lầm lỗi tại cộng đồng và các công tác khác trong phạm vi tổ. Tham gia góp ý, tạo điều kiện để trưởng thôn, phó trưởng thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố quản lý, điều hành các công việc của thôn, tổ. Nếu có điều kiện, được nhân dân tín nhiệm bầu làm lãnh đạo thôn, tổ dân phố thì cần tự giác và tích cực tham gia để xây dựng tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố đạt hiệu quả.

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có thể phản ánh với cấp trên về thái độ thiếu trách nhiệm, hành vi vi phạm an ninh trật tự, gây cản trở hoạt động của thôn, tổ dân phố của cán bộ, đảng viên, công chức, lực lượng vũ trang đang cư trú tại địa bàn dân cư.

PHỤ LỤC

QUYẾT ĐỊNH
SỐ 13/2002/QĐ-BNV NGÀY 06-12-2002
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
Về việc ban hành Quy chế tổ chức
và hoạt động của thôn và tổ dân phố

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 181/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 1992 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ);

Căn cứ Quyết định số 85/2002/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về “Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn”;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ chính quyền địa phương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 164/TCCP-CCVC ngày 29 tháng 6 năm 1995 của Bộ trưởng - Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc ban hành “Quy chế tạm thời về tổ chức bản ở các xã miền núi và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bản” và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trung ương liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

ĐỖ QUANG TRUNG

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của thôn
và tổ dân phố
(Ban hành kèm theo Quyết định
số 13/2002/QĐ-BNV
ngày 06-12-2002 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc... (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khu phố, khóm... (gọi chung là tổ dân phố) không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản và tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Dưới xã là thôn. Dưới phường, thị trấn là tổ dân phố.

Điều 2. Thôn và tổ dân phố chịu sự quản lý trực tiếp của chính quyền xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do nhân dân trực tiếp bầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận; là người đại diện cho nhân dân và đại diện cho chính quyền xã, phường, thị trấn để thực hiện một số nhiệm vụ hành chính tại thôn và tổ dân phố. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chịu sự lãnh đạo của Chi bộ thôn, Chi bộ tổ dân phố hoặc Chi bộ cấp xã (nơi chưa có Chi bộ thôn và Chi bộ tổ dân phố); chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã; phối hợp chặt chẽ với Ban công tác Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các hội ở thôn, tổ dân phố trong quá trình triển khai công tác.

Điều 4. Mỗi thôn, tổ dân phố có 01 phó thôn và 01 tổ phó tổ dân phố giúp việc cho trưởng thôn và tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp thôn và tổ dân phố có trên 1.500 dân có thể bổ trí thêm 01 phó thôn và 01 tổ phó tổ dân phố. Phó thôn, tổ phó tổ dân phố do trưởng thôn và tổ trưởng tổ dân phố đề nghị (sau khi có sự thống nhất với Ban công tác Mặt trận Tổ quốc), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra quyết định công nhận.

Điều 5. Nhiệm kỳ của trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố tối đa không quá hai năm rưỡi. Trong trường hợp thành lập thôn, tổ dân phố mới hoặc khuyết trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm

thời hoạt động cho đến khi thôn, tổ dân phố bầu được trưởng thôn và tổ trưởng tổ dân phố mới.

Điều 6. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được hưởng phụ cấp hàng tháng; căn cứ hướng dẫn của Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức phụ cấp hàng tháng đối với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; được miễn lao động công ích trong thời gian công tác; được cử đi huấn luyện, bồi dưỡng những kiến thức cần thiết.

Trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sẽ được khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy mức độ sai phạm sẽ bị phê bình, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi chức hoặc truy cứu trách nhiệm theo pháp luật. Ban công tác Mặt trận và cử tri đề nghị hội nghị chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định hình thức kỷ luật phê bình, cảnh cáo hoặc cho thôi chức đối với trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố.

Chương 2

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN

Điều 7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận các thôn hiện có cho từng xã nhằm ổn định tổ chức và hoạt động của các thôn.

Điều 8. Về việc thành lập thôn mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập thôn):

1. Giữ nguyên các thôn hiện có. Chỉ thành lập thôn mới khi tổ chức định canh, định cư, di dân giải phóng mặt bằng và khi thực hiện quy hoạch dân dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy mô thôn mới: ở vùng đồng bằng miền Bắc phải có từ 150 hộ trở lên; ở vùng đồng bằng miền Trung và miền Nam phải có từ 100 hộ trở lên; miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa phải có từ 50 hộ trở lên.

3. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới:

a. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyết định về chủ trương, Ủy ban nhân dân xã xây dựng phương án thành lập thôn mới, nội dung chủ yếu gồm:

- + Sự cần thiết phải thành lập thôn mới.
- + Tên thôn.
- + Vị trí địa lý của thôn.
- + Dân số (số hộ, số nhân khẩu).
- + Diện tích thôn (đơn vị tính là ha).
- + Kiến nghị.

b. Lấy ý kiến cử tri trong khu vực thành lập thôn mới về phương án, tổng hợp thành văn bản nêu rõ tổng số cử tri, số cử tri đồng ý, không đồng ý.

c. Nếu đa số cử tri đồng ý, Ủy ban nhân dân xã hoàn chỉnh phương án, trình Hội đồng nhân dân xã thông qua (có nghị quyết của Hội đồng nhân dân).

d. Sau khi có nghị quyết Hội đồng nhân dân

xã, Ủy ban nhân dân xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thẩm định phương án, hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm:

- + Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã.

- + Phương án thành lập thôn mới.

- + Biên bản lấy ý kiến cử tri.

- + Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

- + Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- + Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ra quyết định thành lập thôn mới.

Điều 9. Hoạt động của thôn:

1. Cộng đồng dân cư trong thôn cùng nhau thảo luận, quyết định và thực hiện các công việc tự quản, bảo đảm đoàn kết giữ gìn trật tự an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; xây dựng cuộc sống mới; giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp, thuần phong, mỹ tục của thôn; xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn; xây dựng và thực hiện hương ước.

2. Bàn biện pháp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước,

nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân xã giao và thực hiện nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước.

3. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn.

Các hoạt động của thôn được thực hiện thông qua hội nghị thôn.

Điều 10. Hội nghị của thôn được tổ chức ba tháng hoặc sáu tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc chủ hộ hay cử tri đại diện hộ. Hội nghị do trưởng thôn triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có ít nhất quá nửa số cử tri hoặc chủ hộ tham dự. Nghị quyết của thôn chỉ có giá trị khi được quá nửa số chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ tán thành và không trái pháp luật.

Điều 11. Tiêu chuẩn trưởng thôn.

Trưởng thôn phải là người có hộ khẩu và cư trú thường xuyên ở thôn, đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác, đạo đức và tư cách tốt, được nhân dân tín nhiệm, bản thân và gia đình gương mẫu, có năng lực và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc của cộng đồng và cấp trên giao.

Điều 12. Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của trưởng thôn:

1. Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn.

2. Tổ chức thực hiện các quyết định của thôn.

3. Tổ chức nhân dân thực hiện tốt quy chế dân chủ.

4. Tổ chức xây dựng và thực hiện hương ước.

5. Bảo đảm đoàn kết, giữ gìn trật tự an toàn trong thôn.

6. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân xã giao.

7. Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền xã giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

8. Trên cơ sở nghị quyết của hội nghị thôn, ký hợp đồng dịch vụ phục vụ sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn.

9. Được Ủy ban nhân dân xã mời dự họp về các vấn đề liên quan. Hàng tháng báo cáo kết quả công tác với Ủy ban nhân dân xã; sáu tháng, cuối năm phải báo cáo công tác và tự phê bình trước hội nghị thôn.

Điều 13. Quy trình bầu trưởng thôn:

1. Toàn thể cử tri hoặc chủ hộ hay cử tri đại diện hộ tham gia bầu trực tiếp trưởng thôn theo hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định ngày tổ chức bầu trưởng thôn và ra quyết định thành lập tổ bầu cử. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm bảo đảm kinh phí, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và giúp đỡ tổ chức tốt hội nghị bầu trưởng thôn.

2. Giới thiệu nhân sự:

a. Căn cứ vào tiêu chuẩn trưởng thôn, sự lãnh

đạo của chi bộ thôn hoặc Chi bộ xã, Ban công tác Mặt trận thôn phối hợp với các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh trong thôn dự kiến giới thiệu người ra ứng cử, sau đó tổ chức họp cử tri để thảo luận tiêu chuẩn, danh sách giới thiệu của Ban công tác Mặt trận thôn và những người ứng cử do cử tri giới thiệu hoặc tự ứng cử.

b. Căn cứ danh sách ứng cử tại hội nghị cử tri, trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì cuộc họp thảo luận thống nhất ấn định danh sách ứng cử viên chính thức. Thành phần cuộc họp gồm đại diện lãnh đạo của tổ chức đảng, chi đoàn thanh niên, các chi hội phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh. Danh sách để bầu trưởng thôn phải dư ít nhất một người.

3. Tổ bầu cử:

Tổ bầu cử có không quá 7 thành viên do trưởng ban công tác Mặt trận làm tổ trưởng. Các thành viên khác gồm đại diện của tổ chức đảng và một số đoàn thể như thanh niên, phụ nữ, nông dân và cựu chiến binh của thôn. Tổ bầu cử có nhiệm vụ:

a. Lập và công bố danh sách cử tri tham gia bầu trưởng thôn.

b. Công bố danh sách ứng cử viên.

c. Tổ chức hội nghị bầu trưởng thôn.

d. Công bố kết quả bầu cử.

e. Báo cáo kết quả hội nghị bầu trưởng thôn và nộp các tài liệu bầu cử cho Ủy ban nhân dân xã.

4. Kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử:

a. Trước khi bỏ phiếu, hội nghị bầu Ban kiểm phiếu do Tổ bầu cử giới thiệu. Ban kiểm phiếu có 03 người.

b. Kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu. Ban kiểm phiếu lập biên bản kết quả bỏ phiếu, bàn giao biên bản và phiếu bầu cho tổ trưởng tổ bầu cử.

c. Tổ trưởng tổ bầu cử công bố kết quả bầu cho từng người và người trúng cử trưởng thôn. Người trúng cử trưởng thôn là người có số phiếu bầu hợp lệ trên 50% số cử tri tham gia bầu cử. Kết quả bầu cử chỉ có giá trị khi có ít nhất 50% số cử tri trong danh sách tham gia bỏ phiếu.

5. Căn cứ biên bản kết quả kiểm phiếu và báo cáo kết quả hội nghị bầu trưởng thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét ra quyết định công nhận người trúng cử trưởng thôn. Trưởng thôn chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

6. Kinh phí bầu cử do ngân sách xã cấp.

Trong trường hợp số cử tri tham gia bỏ phiếu dưới 50% và trong trường hợp vi phạm các quy định về bầu cử trưởng thôn tại khoản 2, 3, 4 Điều này thì phải tổ chức bầu lại. Ngày tổ chức bầu lại do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định. Trường hợp bầu cử lại lần thứ hai cũng không đạt kết quả, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ định trưởng thôn lâm thời trong số những người ứng cử

chính thức để hoạt động cho đến khi bầu được trưởng thôn mới.

Chương 3

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ DÂN PHỐ

Điều 14. Việc lành lập tổ dân phố mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập tổ dân phố) do Ủy ban nhân dân phường, thị trấn lập phương án, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp xem xét quyết định. Quy mô một tổ dân phố được thành lập mới có từ 70 hộ trở lên.

Điều 15. Hoạt động của tổ dân phố, hội nghị tổ dân phố, tiêu chuẩn và việc bầu cử tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo Điều 9, 10, 11, 13 của Quy chế này.

Điều 16. Nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của tổ trưởng tổ dân phố:

1. Triệu tập và chủ trì hội nghị tổ dân phố để bàn và tổ chức thực hiện các quyết định của tổ dân phố về giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; tu sửa, xây dựng cơ sở hạ tầng ngõ phố và vệ sinh môi trường; xây dựng đời sống văn hoá, đoàn kết giúp đỡ nhau trong đời sống và sản xuất; thực hiện tốt các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân phường, thị trấn giao.

2. Vận động và tổ chức nhân dân thực hiện tốt Quy chế dân chủ.

3. Tổ chức và thực hiện quy ước ở tổ dân phố.

4. Tập hợp ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân để phản ánh và đề nghị Ủy ban nhân dân phường, thị trấn giải quyết.

5. Được Ủy ban nhân dân phường, thị trấn mời dự họp về các vấn đề liên quan. Hàng tháng báo cáo kết quả công tác với Ủy ban nhân dân phường, thị trấn, sáu tháng, cuối năm phải báo cáo công tác và tự kiểm điểm trước hội nghị tổ dân phố.

Chương 4

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ những quy định tại Quy chế này, quy định cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế ở địa phương.

Điều 18. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 19. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương liên quan tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung liên quan quy định tại Quy chế này.

Điều 20. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo về Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết.

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| <i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i> | 5 |
| <i>Phần I: Nội dung xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc</i> | 7 |
| <i>Câu hỏi 1: Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?</i> | 7 |
| <i>Câu hỏi 2: Ý nghĩa, tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?</i> | 8 |
| <i>Câu hỏi 3: Mục đích, ý nghĩa của Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?</i> | 9 |
| <i>Câu hỏi 4: Nội dung cơ bản của Nghị quyết liên tịch giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Bộ Công an về đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?</i> | 10 |
| <i>Phần II: Nội dung về tổ chức, chính sách, khen thưởng đối với thôn, tổ dân phố</i> | 12 |
| <i>Câu hỏi 5: Quá trình tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trong sự nghiệp giữ gìn an ninh trật tự?</i> | 12 |

| | |
|---|----|
| <i>Câu hỏi 6:</i> Mục đích, ý nghĩa hoạt động của thôn, tổ dân phố trong công tác giữ gìn an ninh trật tự ở khu dân cư? | 13 |
| <i>Câu hỏi 7:</i> Tiêu chuẩn công nhận danh hiệu “Làng văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” được quy định như thế nào? | 14 |
| <i>Câu hỏi 8:</i> Nội dung sinh hoạt thôn, tổ dân phố? | 20 |
| <i>Câu hỏi 9:</i> Khi bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố cần chú ý những vấn đề gì? | 21 |
| <i>Câu hỏi 10:</i> Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố như thế nào? | 21 |
| <i>Câu hỏi 11:</i> Mối quan hệ giữa trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố với chi bộ thôn, chi bộ tổ dân phố? | 23 |
| <i>Câu hỏi 12:</i> Mối quan hệ giữa công an xã, phường, thị trấn với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố? | 23 |
| <i>Câu hỏi 13:</i> Khen thưởng đối với công dân có thành tích phòng, chống tội phạm được thực hiện như thế nào? | 24 |
| <i>Câu hỏi 14:</i> Chế độ, phụ cấp và các hình thức khen thưởng đối với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện như thế nào? | 26 |
| Phần III: Nội dung công tác phòng, chống tội phạm | 28 |
| <i>Câu hỏi 15:</i> Tội phạm là gì? | 28 |

- Câu hỏi 16:* Khi xảy ra các vụ việc khẩn cấp về an ninh trật tự thì cần phải gọi số điện thoại khẩn cấp nào? 29
- Câu hỏi 17:* Công tác tuần tra nhân dân, trách nhiệm của thành viên tham gia tuần tra nhân dân? 29
- Câu hỏi 18:* Việc bắt, giữ người trái pháp luật thì bị xử lý như thế nào? 30
- Câu hỏi 19:* Việc một số công dân vây bắt và đánh chết người trộm cắp tài sản ở địa bàn dân cư thì có phạm tội không? 31
- Câu hỏi 20:* Trách nhiệm của thôn, tổ dân phố trong đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội? 32
- Câu hỏi 21:* Những thủ đoạn của tội phạm mua bán phụ nữ, trẻ em cần phải cảnh giác đề phòng? 32
- Câu hỏi 22:* Khi có vụ án xảy ra trên địa bàn thì thôn, tổ dân phố phải làm gì? 33
- Câu hỏi 23:* Phòng vệ chính đáng là gì? 34
- Câu hỏi 24:* Thế nào là phạm tội quả tang? 35
- Câu hỏi 25:* Khi phát hiện người phạm tội quả tang thì thôn, tổ dân phố phải làm gì? 36
- Câu hỏi 26:* Tố giác tội phạm là gì? 36
- Câu hỏi 27:* Trách nhiệm của công dân trong việc tố giác tội phạm? 37
- Câu hỏi 28:* Nếu biết người khác phạm tội mà không tố giác thì bị xử lý như thế nào? 38

| | |
|--|----|
| <i>Câu hỏi 29:</i> Thế nào là hành vi che giấu tội phạm? | 39 |
| <i>Câu hỏi 30:</i> Khi thấy người đang gặp nguy hiểm đến tính mạng mà người có điều kiện nhưng không cứu giúp thì có phạm tội không? Bị xử lý như thế nào? | 40 |
| <i>Câu hỏi 31:</i> Thôn, tổ dân phố thực hiện phòng, chống trộm cắp tài sản ở khu dân cư như thế nào? | 41 |
| <i>Câu hỏi 32:</i> Khi mua, bán, sử dụng tài sản mà biết đó là tài sản do người khác phạm tội mà có thì có phải là vi phạm pháp luật không? | 41 |
| <i>Câu hỏi 33:</i> Khi có vụ việc về an ninh trật tự xảy ra trên địa bàn, các thành viên trong thôn, tổ dân phố phải làm gì? | 42 |
| <i>Câu hỏi 34:</i> Trách nhiệm của công dân tham gia bảo vệ hiện trường vụ án? | 43 |
| <i>Câu hỏi 35:</i> Trách nhiệm của người làm chứng? | 44 |
| <i>Câu hỏi 36:</i> Người làm chứng có thể bị dẫn giải trong trường hợp nào? | 44 |
| Phần IV: Nội dung công tác phòng, chống ma túy, tệ nạn xã hội | 45 |
| <i>Câu hỏi 37:</i> Thế nào là tệ nạn xã hội? | 45 |
| <i>Câu hỏi 38:</i> Chất ma túy là gì? | 45 |
| <i>Câu hỏi 39:</i> Nghiện chất ma túy có tác hại như thế nào? | 46 |
| <i>Câu hỏi 40:</i> Cách phát hiện người nghiện ma túy? | 47 |

| | |
|---|----|
| <i>Câu hỏi 41:</i> Gia đình có người nghiện ma túy cần phải làm gì? | 47 |
| <i>Câu hỏi 42:</i> Việc giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện tại cộng đồng dân cư của thôn, tổ dân phố như thế nào? | 48 |
| <i>Câu hỏi 43:</i> Người cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy bị xử lý như thế nào? | 49 |
| <i>Câu hỏi 44:</i> Thế nào là tội đánh bạc, hành vi đánh bạc bị xử lý như thế nào? | 50 |
| <i>Câu hỏi 45:</i> Người chứa mại dâm, môi giới mại dâm, người hành nghề mại dâm bị xử lý như thế nào? | 51 |
| <i>Câu hỏi 46:</i> Mục đích, ý nghĩa công tác giáo dục đối tượng tại cơ sở? | 52 |
| <i>Câu hỏi 47:</i> Những người nào thì áp dụng biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng? | 53 |
| <i>Câu hỏi 48:</i> Những đối tượng nào phải đưa vào Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội? | 55 |
| <i>Câu hỏi 49:</i> Những đối tượng nào bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn? | 56 |
| <i>Câu hỏi 50:</i> Việc quản lý, giáo dục, cảm hoá người vi phạm pháp luật ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như thế nào? | 58 |
| <i>Câu hỏi 51:</i> Việc kiểm điểm người vi phạm pháp luật trước dân được thực hiện như thế nào? | 59 |

| | |
|---|----|
| Phần V: Nội dung công tác giữ gìn an toàn giao thông, trật tự công cộng, phòng cháy, chữa cháy | 61 |
| <i>Câu hỏi 52:</i> Vi phạm hành chính là gì? | 61 |
| <i>Câu hỏi 53:</i> Người đi xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia giao thông cần phải như thế nào? | 62 |
| <i>Câu hỏi 54:</i> Để bảo vệ an toàn đường sắt đi qua khu vực dân cư, thôn, tổ dân phố phải làm gì? | 63 |
| <i>Câu hỏi 55:</i> Người hành nghề dò ngang chở khách cần phải thực hiện những quy định nào? | 64 |
| <i>Câu hỏi 56:</i> Tội đua xe trái phép bị xử lý như thế nào? | 64 |
| <i>Câu hỏi 57:</i> Thế nào là phạm vi bảo vệ đề điều? Các hộ gia đình thành viên trong thôn, tổ dân phố phải chấp hành như thế nào? | 65 |
| <i>Câu hỏi 58:</i> Trật tự công cộng là gì? | 68 |
| <i>Câu hỏi 59:</i> Nội dung chủ yếu giữ gìn trật tự công cộng mà thôn, tổ dân phố phải thực hiện? | 68 |
| <i>Câu hỏi 60:</i> Khi có vụ việc gây rối trật tự công cộng xảy ra trên địa bàn, thôn, tổ dân phố phải làm gì? | 70 |
| <i>Câu hỏi 61:</i> Việc phòng cháy, chữa cháy ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như thế nào? | 71 |

- Câu hỏi 62:* Những loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ nào phải quản lý theo quy định của Nhà nước? 72
- Câu hỏi 63:* Trách nhiệm của công dân thực hiện quy định của pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ như thế nào? 74
- Câu hỏi 64:* Những người có hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép các loại pháo nổ và thuốc pháo bị xử lý như thế nào? 75
- Câu hỏi 65:* Đồ chơi nguy hiểm bị cấm như thế nào? 75
- Câu hỏi 66:* Những ngành, nghề kinh doanh nào được quy định là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự? 76
- Phần VI: Một số nội dung về cư trú** 77
- Câu hỏi 67:* Quyền tự do cư trú của công dân được quy định như thế nào? 77
- Câu hỏi 68:* Khi thực hiện quyền tự do cư trú, công dân phải có trách nhiệm gì? 78
- Câu hỏi 69:* Trong những trường hợp nào công dân bị hạn chế quyền tự do cư trú? 78
- Câu hỏi 70:* Khái niệm về nơi cư trú của công dân? Những nơi nào được coi là chỗ ở hợp pháp của công dân? 79
- Câu hỏi 71:* Đăng ký thường trú là gì? Để được đăng ký thường trú tại tỉnh cần những điều kiện gì? 80

| | |
|---|----|
| <i>Câu hỏi 72:</i> Hồ sơ đăng ký thường trú gồm những giấy tờ gì? | 80 |
| <i>Câu hỏi 73:</i> Thời hạn đăng ký thường trú được quy định như thế nào? | 81 |
| <i>Câu hỏi 74:</i> Những trường hợp nào thì được tách sổ hộ khẩu? | 82 |
| <i>Câu hỏi 75:</i> Khi đổi, cấp lại sổ hộ khẩu, công dân phải làm những thủ tục gì? | 83 |
| <i>Câu hỏi 76:</i> Muốn xác nhận thường trú, công dân phải trình báo ở đâu, phải có thủ tục giấy tờ gì? | 84 |
| <i>Câu hỏi 77:</i> Việc bảo quản, sử dụng sổ hộ khẩu như thế nào? | 84 |
| <i>Câu hỏi 78:</i> Đăng ký tạm trú là gì? Những người nào phải đăng ký tạm trú? | 85 |
| <i>Câu hỏi 79:</i> Thủ tục để được đăng ký tạm trú cần có giấy tờ gì? | 85 |
| <i>Câu hỏi 80:</i> Lưu trú là gì? Hộ gia đình có người đến lưu trú thực hiện thông báo lưu trú như thế nào? | 86 |
| <i>Câu hỏi 81:</i> Những trường hợp nào phải khai báo tạm vắng? | 87 |
| <i>Câu hỏi 82:</i> Công dân, hộ gia đình muốn phản ánh và đề nghị các vấn đề về cư trú thì làm như thế nào? | 88 |
| <i>Câu hỏi 83:</i> Người từ độ tuổi nào thì được cấp chứng minh nhân dân? Chứng minh nhân dân có giá trị sử dụng trong thời gian bao nhiêu năm? | 89 |

| | |
|--|----|
| <i>Câu hỏi 84:</i> Những người nào tạm thời chưa được cấp chứng minh nhân dân? | 89 |
| <i>Câu hỏi 85:</i> Những người nào bị thu hồi, tạm giữ chứng minh nhân dân? | 90 |
| <i>Câu hỏi 86:</i> Những người nào phải làm thủ tục đổi, cấp lại chứng minh nhân dân? | 91 |
| <i>Câu hỏi 87:</i> Quyền và trách nhiệm của công dân trong thực hiện quy định về chứng minh nhân dân? | 91 |
| <i>Câu hỏi 88:</i> Thủ tục để được cấp chứng minh nhân dân như thế nào? | 92 |
| <i>Câu hỏi 89:</i> Khi cơ quan chức năng kiểm tra hộ khẩu, kiểm tra chứng minh nhân dân thì công dân phải thực hiện như thế nào? | 93 |
| <i>Phần VII: Phát huy dân chủ, gắn công tác giữ gìn an ninh trật tự với xây dựng đời sống văn hoá</i> | 94 |
| <i>Câu hỏi 90:</i> Giải quyết mâu thuẫn nội bộ nhân dân ở thôn, tổ dân phố như thế nào? | 94 |
| <i>Câu hỏi 91:</i> Những nội dung chính quyền xã, phường, thị trấn công khai để nhân dân biết? | 95 |
| <i>Câu hỏi 92:</i> Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp những nội dung gì? | 97 |
| <i>Câu hỏi 93:</i> Nhân dân bàn, biểu quyết những nội dung gì? | 98 |

| | |
|--|-----|
| <i>Câu hỏi 94:</i> Công dân ở địa bàn dân cư được giám sát những nội dung gì? | 99 |
| <i>Câu hỏi 95:</i> Trách nhiệm của thôn, tổ dân phố trong việc thực hiện chủ trương, quy hoạch, phương án đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư để phát triển công nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội? | 101 |
| <i>Câu hỏi 96:</i> Thực hiện việc khiếu nại, tố cáo như thế nào cho đúng quy định của pháp luật? | 102 |
| <i>Câu hỏi 97:</i> Những trường hợp nào đơn khiếu nại, tố cáo không được xem xét giải quyết? | 104 |
| <i>Câu hỏi 98:</i> Nội dung cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”? | 105 |
| <i>Câu hỏi 99:</i> Vì sao phải kết hợp chặt chẽ công tác giữ gìn an ninh trật tự với công tác xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư? | 106 |
| <i>Câu hỏi 100:</i> Cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang cư trú tại địa bàn dân cư phải tham gia hoạt động của thôn, tổ dân phố như thế nào? | 107 |
| PHỤ LỤC | 109 |
| - Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 06-12-2002 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố | 111 |

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung

Đại tá PHÙNG THIÊN TÂN

Biên tập nội dung: NGUYỄN VŨ THANH HẢO

ThS. PHẠM MỸ NƯỞNG

NGUYỄN HẢI ANH

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG

Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu: NGUYỄN HẢI ANH

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

24 Quang Trung - Hà Nội ĐT: 39422008 FAX: 84-4-39421881

E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

- Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009
- Luật cư trú năm 2006 và văn bản hướng dẫn thi hành
- Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 và văn bản hướng dẫn thi hành



8935211115910